

Số: 648 /BC-UBND

Chư Sê, ngày 14 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, bảo đảm quốc phòng – an ninh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022 của huyện Chư Sê

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện – Kỳ họp thứ Tư.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC NĂM 2021

I. HOẠT ĐỘNG CỦA LÃNH ĐẠO UBND HUYỆN

- Tăng cường công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội, nhất là trong các dịp Lễ, Tết và thời gian diễn ra cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Chỉ đạo các hoạt động chống trộm, duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu đảm bảo ANCT từ huyện đến cơ sở.

- Kịp thời chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, địa phương và nhân dân thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Trung Ương, của Tỉnh, của Huyện về phòng chống dịch Covid-19. Xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó với mọi tình huống của dịch bệnh; chủ động, tích cực trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Kiểm soát tốt các khu cách ly, các điểm cách ly, không để dịch bệnh lây lan ra cộng đồng. Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền bằng nhiều hình thức để phổ biến các thông tin về phòng, chống dịch Covid-19 đến nhân dân. Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng. Bố trí ngân sách ưu tiên cho công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Thường xuyên đôn đốc các ngành, địa phương tập trung thực hiện các chỉ tiêu năm 2021 đảm bảo đạt, vượt kế hoạch đã đề ra. Ban hành Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai.

- Chuẩn bị các điều kiện và phối hợp, tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Tổ chức buổi tọa đàm Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập huyện Chư Sê (17/8/1981-17/8/2021). Phối hợp, tổ chức thành công Kỳ họp thứ Mười sáu (chuyên đề) HĐND huyện khóa IX; Kỳ họp thứ Nhất, thứ Hai và thứ Ba (chuyên đề) của HĐND huyện khóa X.

- Chỉ đạo triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi (DTLCP); Công tác phòng cháy và chữa cháy rừng trong mùa khô năm 2021. Triển khai công tác trồng rừng, quản lý bảo vệ rừng và

kiểm tra xử lý vụ việc phá rừng trái phép xảy ra tại xã H'ông. Chủ động các biện pháp phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và ứng phó với các hiện tượng thời tiết cực đoan, nhất là trong thời gian xảy ra bão, lũ.

- Tập trung chỉ đạo việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025.

- Chỉ đạo quyết liệt việc giải quyết các vướng mắc, tồn đọng trong công tác bồi thường, GPMB đối với các công trình, dự án trên địa bàn huyện, nhất là những vướng mắc, tồn đọng liên quan đến ý kiến, kiến nghị của công dân. Triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, GPMB dự án đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê và đường liên huyện Chư Sê – Chư Pưh – Chư Prông.

- Thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ khó khăn vướng mắc các công trình, dự án trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, đôn đốc rà soát, đề xuất thu hồi các dự án, công trình xây dựng chậm triển khai. Chủ động kịp thời phân bổ các nguồn kinh phí, nhất là kinh phí phòng, chống dịch. Triển khai các biện pháp tăng cường công tác thu ngân sách, tiết kiệm các khoản chi không thật sự cần thiết.

- Chỉ đạo tập trung giải quyết ý kiến, kiến nghị, phản ánh và đơn thư khiếu nại, tố cáo công dân kịp thời, đảm bảo thời gian quy định. Tránh trường hợp công dân kiến nghị nhiều lần, kiến nghị vượt cấp. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát giao thông, xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông. Thực hiện đúng kế hoạch tuyển chọn, gọi quân nhân nhập ngũ năm 2021.

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện đã tập trung làm việc với các phòng, ban chức năng của huyện; đi công tác cơ sở; định hướng, chỉ đạo việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong 9 tháng đầu năm 2021. Làm việc với các đoàn công tác của các Sở, ngành của tỉnh; tham dự các Cuộc họp, Hội nghị trực tuyến do Trung Ương, UBND tỉnh và các sở, ngành của tỉnh tổ chức.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRÊN LĨNH VỰC KINH TẾ.

Năm 2021 là năm đầu tiên có ý nghĩa hết sức quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên đại dịch Covid-19 trong năm 2021 diễn biến hết sức phức tạp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Gia Lai nói chung và huyện Chư Sê nói riêng. Tuy nhiên dưới sự quan tâm chỉ đạo, lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các Sở, ngành của Tỉnh, của Huyện ủy và sự phối hợp chặt chẽ của các phòng ban, đơn vị, địa phương trong công tác chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh của huyện đến nay cơ bản đạt theo Kế hoạch Nghị quyết HĐND huyện đã đề ra.

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn năm 2021 ước đạt 12.506,41 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010) đạt 100,39 % so với kế hoạch năm, bằng 109,39 % so với cùng

kỳ năm trước, tăng 9,39 %, trong đó: Ngành nông lâm nghiệp đạt 4.163,55 tỷ đồng, tăng 7,59 % với cùng kỳ năm trước; Ngành công nghiệp xây dựng là 4.403,21 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tăng 11,7 %; Ngành thương mại dịch vụ đạt 3.939,65 tỷ đồng, tăng 8,8% so với cùng kỳ năm ngoái. Cơ cấu kinh tế, nông nghiệp chiếm tỷ trọng 32,66 %, công nghiệp xây dựng chiếm 35,98%, dịch vụ chiếm 31,36%.

1. Công tác Nông – Lâm nghiệp:

Tổng giá trị sản xuất Nông lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 (theo giá so sánh 2010) ước đạt 4.163,55 tỷ đồng; tăng 7,59% so với thực hiện năm 2020 và đạt 101,62% KH. Trong đó: giá trị sản xuất ngành trồng trọt là 2.765,45 tỷ đồng, chăn nuôi là 754,1 tỷ đồng, dịch vụ nông nghiệp là 575,7 tỷ đồng, lâm nghiệp là 16 tỷ đồng và thủy sản là 52,3 tỷ đồng. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Về trồng trọt: Ước thực hiện tổng diện tích gieo trồng năm 2021 trên địa bàn huyện là 35.840,58 ha; ước đạt 103,01% so với thực hiện năm 2020 và 100,24% so với KH¹. Tổng sản lượng lương thực ước đạt 40.753,1 tấn; tăng 4,03% so với thực hiện năm 2020 và vượt 1.378,63 tấn so với KH; trong đó, thóc là 23.616,1 tấn. Giá trị sản xuất trồng trọt năm 2021 ước đạt 2.765,45 tỷ đồng; tăng 6,24 % so với năm 2020 và 102,14% so với KH. Tuy chịu ảnh hưởng chung của dịch Covid-19 nhưng dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh, huyện Chư Sê đã xây dựng kịch bản, kế hoạch phát triển nông nghiệp trong điều kiện dịch Covid -19, đưa ra các biện pháp khắc phục khó khăn do đó năng suất, sản lượng các loại cây trồng cơ bản đạt, vượt kế hoạch đã đề ra và tăng so với cùng kỳ năm 2020.

- Trong năm 2021 tổng diện tích cả phê trồng tái canh trên địa bàn huyện là 236,44 ha/531 hộ, cây cao su tái canh là 76,13 ha của Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê. Với 1.160 ha diện tích trồng xen trong vườn cà phê² và 2.357,74 ha trồng xen canh trong vườn cao su tái canh³. Công tác bảo vệ thực vật được quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn biện pháp kỹ thuật phòng chống kịp thời nên không xảy ra dịch bệnh nguy hiểm nhưng vẫn xảy ra một số bệnh gây hại không đáng kể trên cây trồng.

- Chăn nuôi: Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2021 ước đạt 754,1 tỷ đồng, tăng 17,72% so với năm 2020, đạt 101,17%KH⁴. Hiện nay trên địa bàn huyện có 71 cơ sở chăn nuôi theo hình thức trang trại (3 trang trại quy mô lớn, 11 trang trại quy mô vừa và 57 trang trại quy mô nhỏ). Trong năm 2021, có 8 dự án đang

¹ Trong đó: Cây lương thực: 7.065 ha; tăng 2,99% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Cây tinh bột có củ: 1.473 ha; tăng 6,74% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Cây thực phẩm: 1.801,7 ha; tăng 1,85% so với năm 2020 và đạt 100,9% KH. Cây công nghiệp ngắn ngày: 1.110 ha; tăng 5,21% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Cây hàng năm khác: 266 ha; tăng 56,47% so với năm 2020 và đạt 107,69% KH. Cây công nghiệp dài ngày: 20.820,82 ha; tăng 0,76% so với năm 2020 và đạt 100,9% KH. Cây ăn quả: 2.391 ha; tăng 14,07% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Cây dược liệu: 913,06 ha; tăng 14,13% so với năm 2020 và đạt 86,96% KH.

² trong đó: hồ tiêu 400 ha; bơ 520 ha; diện tích sầu riêng là 185 ha và 55 cây trồng khác.

³ tại các xã Ia H'Lốp, Ia Glai, Ia Tiêm và Chư Pong với hơn 800 ha cà phê, gần 200 ha hồ tiêu, 35 ha chanh dây, 117 ha cây dược liệu, gần 800 ha cây ăn quả và các loại cây hoa màu ngắn ngày khác (bắp, khoai lang...)

⁴ Đàn trâu, bò 31.520 con; ước đạt 100% KH, tăng 14,56% so với năm 2020, Tỷ lệ trâu, bò lai chiếm 25% tổng đàn, cung cấp khoảng 7.932 tấn thịt hơi; Đàn heo 58.000 con, ước đạt 100% KH, tăng 26,9% so với năm 2020. Tỷ lệ heo lai chiếm 77% tổng đàn, cung cấp khoảng 6.960 tấn thịt hơi; Đàn dê 10.850 con, ước đạt 132,32% KH, tăng 35,63% so với năm 2020; Đàn gia cầm 408.000 con, ước đạt 370,91% KH, tăng 312% so với năm 2020.

xin chủ trương đầu tư thuộc lĩnh vực chăn nuôi trên địa bàn huyện.

Trong năm 2021, dịch bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò xảy ra trên địa bàn huyện hết sức phức tạp tại 746 hộ thuộc 15 xã, thị trấn. Gây bệnh cho 1.181 con bò, trong đó: điều trị khỏi 1.108 con, chết 73 con (trọng lượng tiêu hủy 10.045kg). Các bệnh thông thường khác trên động vật được quan tâm, hướng dẫn điều trị kịp thời. Đã tổ chức triển khai tiêm phòng cho đàn vật nuôi đảm bảo 100% kế hoạch đã phân bổ.

- Về thủy sản: Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện hiện có 3.760 ha. Trong đó, diện tích nuôi trồng thủy sản là 28 ha, diện tích khai thác tự nhiên là 3.732 ha. Tổng sản lượng thủy sản năm 2021 ước đạt 1.340 tấn, tăng 3,08% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Trong đó: sản lượng nuôi trồng là 300 tấn, sản lượng khai thác tự nhiên là 1.040 tấn. Giá trị sản xuất thủy sản năm 2021 ước đạt 52,3 tỷ đồng.

- Về lâm nghiệp: Chỉ đạo các đơn vị chủ rừng và các xã, thị trấn triển khai thực hiện kế hoạch trồng rừng năm 2021 đảm bảo đạt theo kế hoạch đã đề ra. Đến nay đã triển khai trồng được 2,4 ha rừng sản xuất tại xã Ia Pal, dự kiến tiếp tục trồng 1,9 ha tại xã Al Bă trong năm 2021, trồng 20 ha rừng thay thế tại tiểu khu 1066 xã HBông. Đã triển khai trồng được 39 ha cây phân tán. Ước đến cuối năm 2021, hoàn thành trồng 60 ha cây phân tán, đạt 100% KH. Xảy ra 02 vụ cháy rừng⁵ làm thiệt hại diện tích 1,4 ha rừng trồng, 3,8 ha rừng phòng hộ và 01 phá rừng trái phép tại tiểu khu 1065 thuộc lâm phần do UBND xã H'Bông quản lý làm ảnh hưởng đến 34,61 ha diện tích đất rừng⁶. Ước thực hiện năm 2021 trên địa bàn huyện trồng rừng: 84,3 ha; tăng 40,5% so với năm 2020 và đạt 67,44% KH⁷; Tỷ lệ che phủ rừng: 27,5%; đạt 100,36% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Chăm sóc rừng: 35,07 ha, đạt 59,24% so với năm 2020 và đạt 100% KH. Khoán quản lý bảo vệ rừng: 1.131,08 ha, đạt 82,2% so với năm 2020 và đạt 100% KH.

- Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn được quan tâm chỉ đạo và kịp thời ban hành các văn bản chủ động triển khai các biện pháp phòng tránh, ứng phó với mưa bão, hạn hán nhằm hạn chế mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra. Tuy nhiên trong năm 2021 trên địa bàn huyện vẫn xảy ra 01 trường hợp vỡ đập hồ chứa nước của công ty gia súc Lơ Pang gây ra tại xã Ia Tiêm làm ảnh hưởng đến tài sản của các hộ dân thôn Khôi Zố, xã Ia Tiêm gây thiệt hại 13,22 ha lúa (thiệt hại 100%) và một số tài sản khác của 63 hộ. Ngoài ra tình trạng mưa lớn kéo dài gây ngã đổ, ngập úng 94,28 ha lúa của 402 hộ tại 05 xã⁸. Xuất kinh phí từ

⁵ Tại khoảnh 5, tiểu khu 1074 xã HBông, tại khoảnh 1 tiểu khu 1086A, xã Ia Ko.

⁶ RLN (rừng rụng lá nghèo) 10,45ha, RLK (rừng rụng lá kiệt) 10,47ha, RLP (rừng rụng lá phục hồi) 3,89ha, DT 1 (đất trống không có gỗ tái sinh) 0,63ha, DT2 (đất trống có cây gỗ tái sinh) 2,96ha, NN (đất sản xuất nông nghiệp trong quy hoạch lâm nghiệp) 0,21ha.

⁷ Trong đó: Trồng rừng sản xuất: 4,3 ha; Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng, thay thế: 20 ha; Trồng cây phân tán: 60 ha.

⁸ Gồm các xã Ia HLốp (1,68 ha), Chư Pông (18,5 ha), Bar Măih (61,8 ha), Al Bă (8,8 ha) và Ia Glai (3,5ha).

nguồn dự phòng ngân sách để hỗ trợ cho các hộ dân bị thiệt hại do bão số 9 gây ra trong năm 2020, với số tiền 58.903.000 đồng.

- Chương trình xây dựng Nông thôn mới: Quan tâm chỉ đạo các ngành và các địa phương trong việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Nhất là đơn đốc xã HBông, Bờ Ngoong đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các tiêu chí chưa đạt, hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2021 theo kế hoạch đã đề ra. Công nhận làng Tơ Drah, xã BarMaih đạt chuẩn chương trình MTQG xây dựng NTM. Tổ chức lễ công bố xã Kông Htok đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2020. Kiện toàn Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện năm 2021. Dự kiến năm 2021, trên địa bàn huyện có 03 sản phẩm đạt trên 50 điểm, đủ điều kiện để gửi hồ sơ trình Hội đồng cấp tỉnh đánh giá xếp loại.

Ước thực hiện kết quả xây dựng Nông thôn mới năm 2021 trên địa bàn huyện như sau: Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được/xã là 18,57 tiêu chí, đạt 101,5% so với năm 2021. Số xã đạt chuẩn NTM là 12 xã, đạt 109% so với năm 2020. Tỷ lệ số xã đạt chuẩn NTM là 85,71%, đạt 109% so với năm 2020.

- Công tác thực hiện các chương trình, dự án nông nghiệp: Phê duyệt dự án “Xây dựng nguồn liên kết trồng cây ăn quả có múi ứng dụng công nghệ cao tại huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai”. Tiếp tục triển khai dự án nông thôn miền núi tổ chức xây dựng mô hình trồng thâm canh cây ngô (10 ha), đến nay đã thu hoạch và nghiệm thu xong, năng suất đạt bình quân 7,1 tấn/ha. Các mô hình trồng thâm canh cây cỏ và chăn nuôi bò sinh sản được duy trì phát triển ổn định.

- Tình hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm: Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến cho các doanh nghiệp, hợp tác xã tăng cường hợp tác, tham gia xây dựng liên kết chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hình thành các mô hình liên kết chặt chẽ, bình đẳng tin cậy giữa nông dân và doanh nghiệp.

2. Quản lý Tài nguyên - Môi trường:

- Trong năm 2021, UBND huyện đã ký 175 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất, tổng diện tích 535.336m² (trong đó đất ở: 14.922,9m² và 520.413,1 m² đất nông nghiệp). Lũy kế đến nay trên địa bàn huyện cấp được 29.193,87ha/30.318,23ha diện tích cần cấp, đạt tỷ lệ 96,4%. Tiếp nhận và giải quyết 102 hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân. Diện tích xin chuyển: 21.978,3 m² từ đất nông nghiệp sang đất ở.

- Triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng các công trình, dự án đảm bảo theo đúng hồ sơ, thủ tục quy định. Triển khai kế hoạch sử dụng đất năm 2021. Lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất huyện Chư Sê giai đoạn 2021-2030. Hoàn thành hồ sơ thống kê đất đai năm 2020.

Đang triển khai lập kế hoạch sử dụng đất 2022. Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh, bổ sung một số vị trí tại bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 và hệ số k năm 2022 trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Thành lập các Đoàn kiểm tra liên ngành để kiểm tra về hoạt động khoáng sản và công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện. Giải quyết 04 hồ sơ kế hoạch bảo vệ môi trường. Xử lý 02 vụ vi phạm về khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép.

Tập trung công tác quản lý quản lý nhà nước về tài nguyên và khoáng sản trên địa bàn huyện. Tổ chức kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm về lĩnh vực môi trường, tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện. Phát hiện và xử lý 02 vụ vi phạm tài nguyên khoáng sản⁹.

3. Công nghiệp:

- *Mức tăng trưởng kinh tế:* Tổng sản phẩm trong huyện tính theo giá hiện hành Ngành Công nghiệp-Xây dựng: 6.946,86 tỷ đồng, đạt 100,26% kế hoạch tăng 0,2% so với cùng kỳ năm 2020. Ngành Thương mại - Dịch vụ: UTH 6.056,82 tỷ đồng đạt 99,24% kế hoạch tăng 8,8% so với cùng kỳ năm 2020. Cơ cấu ngành kinh tế năm 2021 được chuyển dịch theo hướng tích cực và phù hợp với xu thế công nghiệp hóa hiện đại hóa, cụ thể: Ngành Công nghiệp - Xây dựng ước đạt 37,02%; Ngành Thương mại - Dịch vụ ước đạt 31,5%.

- *Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp:* giá trị Công nghiệp – Tiểu thủ công nghiệp ngoài quốc doanh UTH đạt 553,7 tỷ đồng đạt 100,3% kế hoạch tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2020 với các sản phẩm chủ yếu là: đá xây dựng các loại, chế biến cà phê bột, xay xát lương thực, giết mổ gia súc, may mặc, giày dép, bê tông đúc sẵn, lưới B40, ống nhựa, tôn, xà gồ, thép các loại; Sản lượng điện thương phẩm là: 1.840 Mwh. Doanh thu : 3.648 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ năm 2020.

- *Vận tải hàng hóa vận tải hành khách:* Vận chuyển hàng hóa với khối lượng vận chuyển: 816,3 nghìn tấn, đạt 97,8% so kế hoạch huyện giao, giảm 3,7% so với cùng kỳ 2020. Khối lượng luân chuyển: 77.857 nghìn tấn/km, đạt 99,4% so kế hoạch huyện giao, giảm 1,6% so với cùng kỳ 2020. Vận chuyển hành khách với khối lượng vận chuyển: 800 nghìn hành khách đạt 88,4% so kế hoạch huyện giao, giảm 12,6% so với cùng kỳ 2020, Khối lượng luân chuyển: 288.920 nghìn HK/km đạt 91,6% so kế hoạch huyện giao, giảm 7,7% so với cùng kỳ 2020.

- *Về công tác XDCH và quản lý đô thị:* Trong năm 2021 đã cấp phép 128 hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở tư nhân giảm 30 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020. Công tác thẩm định hồ sơ: Trong năm 2021 thẩm định 87 hồ sơ XDCH giảm 40 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020. Về cấp giấy chứng nhận số nhà ở: trong năm 2021 thụ lý 137 hồ sơ tăng 87 hồ sơ so với cùng kỳ năm 2020.

- *Công tác quy hoạch:* Đã hoàn thiện việc cắm mốc khu đấu giá đất dân cư tại thôn Ia Rìng xã Ia Tiêm và Trường Nguyễn Bình Khiêm; Trình phương án điều chỉnh

⁹ 01 vụ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh xử phạt với số tiền 80.343.000 đồng, tịch thu 01 máy khoan, 01 máy khí nén, 01 búa đập; 01 vụ thuộc thẩm quyền của UBND huyện xử phạt với số tiền 4.000.000 đồng, tịch thu 20m³ đá (kt 60-100cm) và 1000 viên đá (10x10x4cm).

cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu TTHC và Khu Đô thị sinh thái phía Đông thị trấn Chư Sê (06 vị trí). Đang triển khai lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư xã Dun, Ia Pal; đang lập quy hoạch chung xây dựng xã Chư Pông và hồ sơ quy hoạch chi tiết xây dựng thôn Hồ Nước.

4. Kế hoạch, Tài chính:

4.1. Đăng ký kinh doanh:

- Đăng ký kinh doanh hộ cá thể: Tính tới ngày 28/10/2021 đã thực hiện cấp mới: 248 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Cấp đổi: 103 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Thu hồi: 1.741 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tạm ngưng: 54 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Ước thực hiện năm 2021 là 365 hồ sơ.

- Cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho 01 hợp tác xã thành lập mới, đã đạt được 100% kế hoạch đề ra. Từ đầu năm đến nay đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng trực tiếp đến các HTX trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm, giá cả thị trường nguyên, vật liệu đầu vào không ổn định. Có khoảng 10 HTX tạm ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh do không có nguồn cung hàng hóa, máy móc và vốn nhằm duy trì hoạt động kinh doanh.

4.2. Tài chính ngân sách:

- **Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách:** Tổng thu ngân sách huyện đến ngày 08/12/2021 là 505,237 tỷ đồng, đạt 94,86% kế hoạch tỉnh và 76,13% kế hoạch của huyện. Ước thực hiện đến 31/12/2021 là 581,87 tỷ đồng đạt 100,91% kế hoạch tỉnh và 76,13% kế hoạch của huyện.

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn thực hiện đến thời điểm báo cáo cơ bản đảm bảo chỉ tiêu do UBND tỉnh giao. Trong đó, một số khoản có tiến độ thu đạt cao so với kế hoạch dự toán tỉnh giao như: Thuế TNCN, thuế TNDN, Thu phí, lệ phí, Lệ phí trước bạ. Tuy nhiên vẫn còn một số khoản thu tiến độ chưa đạt so với kế hoạch đề ra, trong đó chủ yếu là khoản thu tiền sử dụng đất, ước thực hiện đến ngày 31/12/2021 thu được 28,4 tỷ đồng, đạt 51,84% so với dự toán tỉnh giao và 15,87% kế hoạch HĐND huyện giao.

Nguyên nhân thu tiền sử dụng đất không đạt: Các vị trí dự kiến có nguồn thu lớn từ việc đấu giá quyền sử dụng đất như: Khu dân cư mới đường Nguyễn Tri Phương (trường THPT Nguyễn Bình Khiêm cũ); Khu dân cư xã Dun-Ia Pal đang trong quá trình thực hiện các bước theo quy định để đưa vào đấu giá thu tiền sử dụng đất. Tuy nhiên, quá trình thực hiện gặp một số vướng mắc, khó khăn, chủ yếu là vướng công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

- **Tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách:** Tổng chi ngân sách huyện thực hiện đến ngày 08/12/2021 là 438,956 tỷ đồng, đạt 82,42% KH tỉnh và 66,14 % KH huyện. Ước thực hiện đến 31/12/2021 là 538,459 tỷ đồng đạt 101,11% kế hoạch tỉnh và 81,13% kế hoạch của huyện.

Các nhiệm vụ chi ngân sách trong năm 2021 đều đã được UBND huyện và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện, đảm bảo theo dự toán và kế hoạch của

Nghị quyết của HĐND huyện đề ra. Tuy nhiên, do trong năm 2021 Chính phủ chưa thực hiện việc cải cách tiền lương (*nâng mức lương cơ sở*), đồng thời do ảnh hưởng của dịch Covid 19, một số nhiệm vụ thường xuyên chưa được triển khai nên cũng ảnh hưởng đến tổng số chi thường xuyên trong năm 2021.

(Có báo cáo chuyên đề về dự toán thu, chi ngân sách riêng)

4.3. Đầu tư xây dựng cơ bản:

Tổng kế hoạch vốn thực hiện trong năm 2021: 120.970 triệu đồng, giải ngân 61.656 triệu đồng đạt 51 % kế hoạch (*có biểu chi tiết kèm theo*).

5. Hoạt động của các đơn vị sự nghiệp:

5.1. BQL công trình đô thị & VSMT:

- Công tác quản lý, vận hành điện chiếu sáng công cộng được duy trì, chưa có trường hợp để mất điện chiếu sáng công cộng kéo dài làm ảnh hưởng đến ATGT trên các tuyến đường; Điều chỉnh giờ đóng cắt điện chiếu sáng theo thời tiết; Tu sửa, trang trí 02 cổng chào điện tử; lắp đặt các băng rôn chúc mừng năm mới và các ngày lễ lớn tại các cổng ra – vào trung tâm huyện;

- Công tác thu gom rác thải được thực hiện thường xuyên đúng quy định, toàn bộ lượng rác thải thu gom vận chuyển về nhà máy xử lý rác thải của Công ty VIWASEN Phương Hướng. Việc khơi thông cống rãnh, vệ sinh cửa thoát nước được đảm bảo. Thực hiện thu vệ sinh UTH đến ngày 31/12/2021 là 750.000.000 đồng, đạt 100% KH giao.

- Công tác duy trì cây xanh được chú trọng hiện cây trồng phát triển xanh tốt. Kịp thời trồng dặm các cây xanh bị chết hoặc không có khả năng phát triển. Trồng 40 cây tại Công viên Phạm Văn Đồng trong dịp “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” Xuân Tân Sửu năm 2021. Tăng cường công tác chống rụng, cắt tỉa cành cây trong mùa mưa bão năm 2021. Trồng dặm kịp thời cây xanh bị chết hoặc không có khả năng phát triển.

- Bảo vệ an toàn tài sản trong Công viên Kpă Klong và Công viên Phạm Văn Đồng tạo thuận lợi cho việc tập thể dục, thư giãn của nhân dân. Tổ chức thành công Chợ hoa xuân Tân Sửu - 2021. Quản lý Nghĩa trang theo đúng Quy chế và Quy hoạch được duyệt; Dọn vệ sinh trong khu vực nghĩa trang, tạo các điều kiện tốt nhất có thể để phục vụ nhu cầu chôn cất, thăm viếng của nhân dân.

5.2. Ban quản lý Chợ:

- Thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở các hộ kinh doanh và người dân đi chợ thực hiện đảm bảo các quy định về phòng chống dịch Covid-19. Tổ chức phun thuốc khử trùng để phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Thường xuyên thông báo trên hệ thống loa, tăng cường công tác tuần tra, nhắc nhở các hộ kinh doanh và nhân dân đi chợ cảnh giác không xảy ra trộm cắp làm mất trật tự tại chợ; Thông báo cho các hộ kinh doanh và nhân dân không kinh doanh mua bán các loại gia súc, gia cầm mang bệnh. Đồng thời tăng cường công

tác kiểm tra xuất xứ hàng hóa, nên không xảy ra hiện tượng mua bán các loại gia súc gia cầm mang bệnh.

- Công tác thu gom, vận chuyển rác thải được thực hiện hàng ngày, không để tồn đọng và luôn luôn đảm bảo Chợ sạch sẽ.

- Tăng cường đảm bảo an ninh trật tự tại khu vực Chợ. Công tác PCCC luôn được BQL Chợ hết sức coi trọng. Thường xuyên kiểm tra nhắc nhở các hộ kinh doanh chấp hành nội quy, quy định về công tác PCCC.

5.3. Ban quản lý Bến xe:

- Tình hình ATGT và ANTT bến bãi được đảm bảo, không để xảy ra các tình huống gây mất trật tự trong bến. Tổ chức phục vụ tốt nhu cầu đi lại của nhân dân trên địa bàn được kịp thời, đảm bảo an toàn giao thông, đặc biệt là dịp Tết Nguyên Đán Tân Sửu năm 2021 và ngày lễ 30/4-1/5. Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, do đó các tuyến cố định tại bến vẫn chưa hoạt động trở lại, dự kiến tổng thu năm 2021: 252.182.000 đồng, đạt 45,85% KH năm 2021, giảm 54,15% so với cùng kỳ năm trước.

- Thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GTVT tỉnh, về công tác phòng chống dịch; kịp thời thông báo trên loa phát thanh các biện pháp phòng dịch; tổ chức khai báo y tế bắt buộc, kiểm tra nhắc nhở các doanh nghiệp kinh doanh vận tải, hành khách, nhân dân đến bến xe đeo khẩu trang đúng cách; tuyên truyền cài đặt phần mềm BlueZone trên điện thoại, triển khai việc khai báo y tế bằng cách quét mã QR tại Bến xe để hành khách, các nhà xe và nhân dân đến liên hệ công việc khai báo được thuận lợi... nhằm thực hiệu có hiệu quả công tác phòng chống dịch Covid – 19.

III. LĨNH VỰC VĂN HOÁ - XÃ HỘI:

1. Giáo dục – Đào tạo:

- Thực hiện tốt các biện pháp phòng chống dịch Covid-19 như: Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; phối hợp với ngành Y tế triển khai phun hóa chất diệt khuẩn, tiêm vắc xin phòng Covid 19 cho toàn bộ 100% những đối tượng hoạt động trong các cơ sở giáo dục, lập danh sách tiêm vaccin Covid-19 cho toàn bộ số học sinh từ lớp 6 đến lớp 9 trên toàn huyện. Triển khai công tác dạy và học phù hợp với tình hình dịch bệnh, đảm bảo các trường học luôn sẵn sàng chuyển trạng thái từ học trực tiếp sang trực tuyến theo chương trình ứng phó với dịch bệnh Covid – 19.

- Năm học 2020 – 2021 toàn ngành có 50 cơ sở giáo dục; trong đó có 47 cơ sở giáo dục công lập; giảm 01 trường Mầm non tư thục so với năm học 2019-2020. Với 874 lớp (công lập: 823 lớp; mẫu giáo tư thục: 51 lớp) 28.074 học sinh (giảm 17 lớp so với năm học trước).

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy và học tiếp tục được đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học¹⁰.

- Tổ chức Hội nghị tổng kết năm học 2020-2021 theo hình thức trực tuyến để đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19; Tổ chức tuyển sinh năm học 2021-2022. Xây dựng kế hoạch năm học và quy chế nhà trường năm học 2021-2022. Xây dựng phương án dạy và học trong tình hình mới phù hợp với quy định về phòng, chống dịch Covid-19. Tiếp nhận phân công công tác giáo viên trúng tuyển kỳ thi tuyển giáo viên năm 2020 theo đúng quy định.

- Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp trong năm 2020-2021 được duy trì ở ổn định tất cả các cấp học¹¹. Tình trạng học sinh bỏ học, đặc biệt tại các khu vực khó khăn, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn¹² mặc dù đã được nhà trường phối hợp với hệ thống chính trị các xã, thị trấn tích cực vận động, huy động học sinh đến trường.

2. Y tế, dân số và kế hoạch hóa gia đình:

2.1. Công tác phòng chống dịch Covid-19:

- Trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh, của Huyện ủy, sự hướng dẫn của các sở, ngành của tỉnh, UBND huyện đã chỉ đạo các ngành, đơn vị, địa phương triển khai kịp thời các biện pháp phòng, chống dịch quyết liệt với tinh thần trách nhiệm cao, chủ động trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19. Hướng dẫn kịp thời, cụ thể, chi tiết việc đi lại, vận chuyển, lưu thông hàng hoá để đảm bảo sản xuất và điều hành, xử lý công việc, không để gián đoạn; bố trí các khu vực cách ly theo quy định; tăng cường kiểm soát, quản lý chặt địa bàn, nắm chắc hộ dân, quản lý công dân về từ các vùng dịch trở về, thực hiện nghiêm việc giám sát y tế, cách ly y tế tại nhà; phát huy vai trò của Tổ Covid cộng đồng; khẩn trương tổ chức tiêm chủng để đảm bảo tăng tỷ lệ phủ vắc xin theo đúng kế hoạch; nhanh chóng truy vết, xét nghiệm các ổ dịch, xét nghiệm trọng điểm để tầm soát, sàng lọc, khoanh gọn, kiểm soát các ổ dịch trên địa bàn huyện; Kịp thời Kinh phí NSNN thực hiện phòng, chống dịch Covid -19 theo các Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020, số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, số 17/NQ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ: 4.035.000.000đ¹³.

¹⁰ Toàn huyện hiện có 765 phòng học (702 phòng học văn hóa; 63 phòng học bộ môn), trong đó có 375 phòng kiên cố đạt 53,41%. Toàn huyện có 27/47 trường công lập đạt chuẩn quốc gia đạt 57,46 % (MN: 9/16 trường; Tiểu học: 8/15 trường; THCS: 10/16 2 trường); có 12/14 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học; 13/14 xã đạt tiêu chí số 14 giáo dục đào tạo trong Bộ Tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới.

¹¹ Huy động trẻ nhà trẻ đạt 4,5 %, tăng 0,9 % so với năm học trước, huy động trẻ mẫu giáo đạt 69,9% tăng 2,9% so với năm học trước. Huy động 6 tuổi vào lớp 1 đạt 9,97%, 6-10 tuổi đạt 99,99 %, tăng 0.01% so với năm học trước. Huy động 11 tuổi học lớp 6 đạt 99,01%, tăng 0,01% so với năm học trước; huy động 11-14 tuổi học THCS đạt 95,17%, tăng 1,37% so với năm học trước.

¹² Cấp THCS có 101 học sinh bỏ học (tăng 48 học sinh so với năm học trước).

¹³ Tính đến nay huyện đã hỗ trợ 144 lao động với tổng kinh phí hỗ trợ là 277.960.000 đồng.

- Từ ngày 27/4/2021 đến ngày 08/12/2021, trên địa bàn huyện Chư Sê ghi nhận 792 F0, 59 trường hợp tái dương tính¹⁴; Qua truy vết có 1.867 trường hợp F1; 4537 trường hợp F2 và 3861 trường hợp F3; Cách ly tập trung đối với trường hợp có nguy cơ cao từ vùng dịch là 2.942 trường hợp; Cách ly tại nhà, nơi cư trú: 7.150 trường hợp. Riêng đợt dịch ngày 25/11/2021 đến ngày 08/12/2021, số F0 đã ghi nhận được: là 284 ca F0¹⁵. Tính đến ngày 13/12/2021, tổng số mũi vắc xin đã tiêm cho đối tượng 18 tuổi trở lên là 110.293 mũi/71.150 người¹⁶. Tổng số trẻ từ 12-17 tuổi tiêm được 6.613/14.118 trẻ¹⁷. Hiện các đơn vị ngành y tế đang tiếp tục tiêm phòng Covid-19 theo kế hoạch (*UBND huyện có báo cáo chuyên đề riêng về công tác phòng, chống dịch Covid*).

2.2. Công tác y tế, dân số, Kế hoạch hóa gia đình:

- Ban hành Kế hoạch về đảm bảo ATTP năm 2021 và thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra về công tác hành nghề dược, công tác ATTP trên địa bàn huyện. Kết quả kiểm tra ATTP trên địa bàn huyện 01 đợt Thành hành động, tổng số cơ sở được kiểm tra là 8 cơ sở; kiểm tra liên ngành hành nghề dược tư nhân tính tới nay đã kiểm tra 27 cơ sở, quyết định XPVPHC về y tế 04 cơ sở với tổng số tiền 08 triệu đồng.

- Chỉ đạo tăng cường giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh: Covid-19, giám sát y tế cơ sở phòng chống dịch bệnh sởi, cúm, sốt xuất huyết, thủy đậu, cúm (H₅N₁; H₇N₉), tay-chân-miệng, bệnh mắt đỏ ... và sốt rét quỹ toàn cầu.

- Thực hiện tốt công tác khám chữa bệnh tuyến huyện, xã nhất là trong dịp Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 và các ngày Lễ lớn. Trong năm 2021, có 92.580 lượt người đến khám chữa bệnh (*tại Trung tâm Y tế huyện 71.974 lượt người, đạt 73,07%, giảm 47,19% so với cùng kỳ và Trạm Y tế xã 55.438 lượt người, đạt 98,85%, giảm 12,03% so với cùng kỳ*). Điều trị nội trú 8.108 bệnh nhân, đạt 93,99%, giảm 16,01% so với cùng kỳ (*tại Trung tâm Y tế huyện*).

- Dân số - Kế hoạch hóa gia đình: Dân số toàn huyện: 126.074 khẩu (DTTS: 61.035/126.074; chiếm 48,41%). Tổng số hộ: 28.288 hộ. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 01%. Tỷ lệ sinh con thứ 3: 18%. Tổng số trẻ sinh: 1.673 trẻ (875 trẻ trai và 798 trẻ gái). Tỷ lệ giới tính khi sinh: 108 nam/100 nữ.

3. Văn hoá - thể thao, thông tin - truyền thông:

3.1. Lĩnh vực văn hóa, thông tin, thể thao và du lịch:

- Các hoạt động nhân dịp Tết nguyên đán, các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện nổi bật của huyện được tổ chức chu đáo và đảm bảo các quy định về phòng, chống dịch

¹⁴ Trong đó: Thị Trấn: 212 (tái dương tính: 13); Chư Pông: 16 (tái dương tính : 04) H Bông: 32 (tái dương tính : 03); Ia Blang: 131 (tái dương tính : 11); Ia H Lốp: 35 (tái dương tính: 04); Ia Tiêm: 06; Al Bá : 22 (tái dương tính : 04); Kông H Tòk: 55 (tái dương tính: 05); Ia Pal: 79; Ia G Lai: 37 (tái dương tính : 02); Xã Dun: 15; Bờ Ngoong : 27; Xã IaKo : 27 (tái dương tính: 03); Xã Bar Maih: 01; Xã Ayun: 07.

¹⁵ Gồm: xã Ia Pal 56 ca, Ia H'Lốp 15 ca, Ia Blang 30 ca, thị trấn 108 ca, Kông H'Tok 07 ca, Al Bá 05 ca, xã Dun 13 ca, xã Ia Glai 07, xã Chư Pong 02 ca, xã Hbông 02 ca.

¹⁶ Trong đó: Tiêm mũi 1: 68.641/71.150 người, đạt 96,47%; Mũi 2: 41.652/71.150 người, đạt 58,54%.

¹⁷ Trong đó mũi 1 được 6.590/14.118 trẻ, đạt 46,68%, tiêm mũi 2 được 23/14.118 người, đạt 0,16%.

Covid-19. Tổ chức hội nghị tổng kết hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức buổi tọa đàm kỷ niệm 40 năm ngày thành lập huyện Chư Sê. Xây dựng Đề án đặt bổ sung, sửa đổi tên đường trên địa bàn thị trấn Chư Sê.

- Ban hành Kế hoạch phát triển du lịch huyện Chư Sê giai đoạn 2021-2025. Tổ chức thành công giải bóng bàn CNVC-LĐ huyện Chư Sê năm 2021, giải vô địch cầu lông huyện Chư Sê mở rộng năm 2021 diễn ra từ ngày 23-25 tháng 4 năm 2021 và Đại hội Thể dục thể thao tại 09/15 xã, thị trấn. Hướng dẫn các cơ sở lưu trú, khách sạn và khu du lịch sinh thái thác Phú Cường thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Bể bơi Công viên Phạm Văn Đồng phục vụ được 4.712 lượt người; nhà thi đấu đa năng phục vụ được 355 lượt người tập luyện chuyên cần và 850 lượt người tập luyện không thường xuyên.

3.2. Lĩnh vực thông tin truyền thông và lĩnh vực khác:

- Tập trung tuyên truyền các thành tựu nổi bật về kinh tế - văn hóa - xã hội của huyện, các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước như: Đại hội lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2020-2025; Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Tuyên truyền cải cách hành chính; Tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2021; Tập trung tuyên truyền về công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên người và phòng, chống dịch viêm da, nổi cục ở Trâu, Bò. Đồng thời tuyên truyền thường xuyên, kịp thời các chủ trương, chính sách, pháp luật mới của Đảng và Nhà nước.

- Truyền thanh - Truyền hình: Sản xuất 271 chương trình phát thanh tiếng việt, 24 chương trình tiếng Jrai, 12 chuyên mục CCHC phát trên sóng phát thanh của huyện. Gửi trang Web của huyện: 144 bản tin video, 144 chương trình phát thanh tiếng việt, 24 chương trình tiếng Jrai; 75 tin, bài. Thời lượng tiếp, phát sóng FM: 5.760h. Sửa chữa và lắp mới kịp thời các cụm loa bị hư hỏng để phục vụ công tác tuyên truyền được đảm bảo và kịp thời.

- Thư Viện: phục vụ được 12.005 lượt người; Luân chuyển được 34.115 lượt sách đến tay bạn đọc; Phục vụ Internet được 4.056 lượt người đến truy cập. Xử lý nghiệp vụ sách trong Thư viện được: 2.350 bản; Nhập sách mới vào cơ sở dữ liệu được: 2.140 biểu ghi. Trưng bày sách tại thư viện nhân kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước như: ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; ngày Sách Việt Nam, ngày giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước,... . Phối hợp với Thư viện tỉnh Gia Lai, phục vụ sách báo lưu động được 780 lượt người và 2.465 lượt sách.

4. Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội:

- Giải quyết 122 hồ sơ về chế độ chính sách cho các đối tượng người có công. Chi trả kịp thời chế độ cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn huyện. Với 1.248 định suất người có công, tổng kinh phí dự ước trên 27,69 tỷ đồng và 2.646 lượt đối tượng với tổng số tiền 14,102 tỷ đồng. Tổ chức thăm và

tặng quà lễ, tết của Chủ tịch nước, Lãnh đạo tỉnh, huyện kịp thời. Tiếp nhận gạo và cấp phát cho các hộ có nguy cơ thiếu đói và người dân ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng¹⁸.

- Tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 74 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2021). Hỗ trợ xây mới 02 căn nhà cho đối tượng người có công với tổng kinh phí 100 triệu đồng. Vận động đóng góp ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” huyện ước đến cuối năm 2021 được trên 554,386 triệu đồng đạt 91,5 % kế hoạch.

- *Công tác giảm nghèo*: Tính đến ngày 12/11/2021 kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện đạt được như sau:

+ Chuẩn nghèo đa chiều theo Quyết định 59: tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện là 564 hộ, chiếm tỷ lệ 1,83%, trong đó hộ nghèo DTTS là 497 hộ, chiếm tỷ lệ 88,12% trên tổng số hộ nghèo. Tổng số hộ cận nghèo là 2.040 hộ, chiếm tỷ lệ 6,64%, trong đó hộ cận nghèo DTTS là 1.714 hộ, chiếm tỷ lệ 84,06%/tổng số hộ cận nghèo. So với cuối năm 2020, hộ nghèo toàn huyện giảm 357 hộ, tương ứng giảm 1,2%, đạt so với kế hoạch tỉnh và nghị quyết huyện đề ra. Toàn huyện có 447 hộ nghèo thiếu hụt thu nhập và 77 hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản. Có 51 hộ nghèo thuộc chính sách BTXH và 10 hộ cận nghèo thuộc chính sách ưu đãi người có công.

+ Chuẩn nghèo đa chiều theo Nghị định 07: Hộ nghèo 3.188 hộ, chiếm tỷ lệ 10,37 %, trong đó hộ nghèo DTTS là 2.920 hộ, chiếm tỷ lệ 21,15% trên tổng số hộ ĐBDTTS. Tổng số hộ cận nghèo là 2.081 hộ, chiếm tỷ lệ 6,77%, trong đó hộ cận nghèo DTTS là 1.633 hộ, chiếm tỷ lệ 12,04% trên tổng số hộ ĐBDTTS.

- Thường xuyên tuyên truyền về chính sách hỗ trợ người lao động. Tổng hợp danh sách công dân đang làm việc tại các tỉnh phía Nam có nhu cầu trở về địa phương để hỗ trợ và có phương án đưa đón đảm bảo các quy định về phòng chống dịch Covid-19. Kịp thời hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19. Tính đến nay huyện đã hỗ trợ 144 lao động với tổng kinh phí hỗ trợ là 277.960.000 đồng¹⁹. Giải quyết việc làm giải quyết việc làm cho 1.629 lao động đạt 54,3% từ nguồn vốn vay hộ nghèo, hộ cận nghèo.

5. Công tác dân tộc, tôn giáo:

5.1. Công tác dân tộc: Tổ chức thăm hỏi tặng quà, động viên những người uy tín²⁰ trong dịp Tết nguyên đán và lúc ốm đau, hoạn nạn. Triển khai kịp thời các chương trình, dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu

¹⁸ Tiếp nhận và cấp phát 58.680 kg gạo cho 990 hộ với 3.912 khẩu có nguy cơ thiếu đói trong dịp Tết nguyên đán 2021 và 55.920 kg gạo cho 892 hộ với 3.728 khẩu có nguy cơ đói trong thời gian giáp hạt. Tổ chức cấp, phát gạo cứu đói cho người dân ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid -19 trên địa bàn 11 xã, thị trấn cho 529 hộ với 1979 khẩu, tổng số 29.685 kg gạo.

¹⁹ trong đó: người lao động ngừng việc 17 người; người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng nghỉ việc không hưởng lương 26 người; lao động không có giao kết hợp đồng lao động 101 người.

²⁰ Hiện nay trên địa bàn huyện có 80 người uy tín/80 thôn, làng, TDP với thành phần dân tộc chủ yếu là Jrai và Bahnar; trình độ học vấn: Hầu hết đều biết chữ, trình độ lớp 3 trở lên.

số trên địa bàn huyện. Hiện nay huyện Chư Sê có 02 xã khu vực III, 02 xã khu vực II và 11 xã, thị trấn khu vực I, với 15 thôn, làng đặc biệt khó khăn thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

5.2. Công tác tôn giáo: Công tác quản lý nhà nước về tôn giáo trên địa bàn huyện được quan tâm và giải quyết kịp thời nhu cầu chính đáng của các cơ sở và cá nhân tham gia tôn giáo theo đúng quy định. Các hoạt động của các cơ sở tôn giáo trên địa bàn huyện đã nghiêm túc chấp hành các quy định về phòng chống dịch Covid-19.

IV. LĨNH VỰC NỘI CHÍNH.

1. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

1.1. Về an ninh chính trị:

Trong năm 2021, tình hình ANCT trên địa bàn huyện tiếp tục được giữ vững ổn định. Trong đó có nổi lên một số tình hình hoạt động, phục hồi FULRO, “TLĐG”, tình hình an ninh nông thôn có những diễn biến phức tạp, nhất là tranh chấp, khiếu kiện, tập trung đông người liên quan đến đền bù, giải phóng mặt bằng, cổ phần hóa doanh nghiệp. Trong năm 2021 phát hiện mới 02 vụ (so với cùng kỳ năm 2020 tăng 02 vụ), 03 vụ chưa được giải quyết dứt điểm từ năm 2020 chuyển sang tiếp tục khiếu kiện đông người. Đến nay đã giải quyết ổn định 01 vụ, 04 vụ đang tiếp tục giải quyết.

1.2. Về trật tự an toàn xã hội:

- Tình hình tội phạm hình sự: Xảy ra 46 vụ, giảm 16 vụ so với cùng kỳ năm 2020. Đã điều tra, làm rõ 40/46 vụ đạt 86,9%. Thiệt hại do tội phạm gây ra làm 11 người bị thương, thiệt hại tiền mặt 23.995.000 đồng và một số tài sản khác, thiệt hại khoảng 1.459.085.000 đồng. Trong đó tội phạm liên quan đến người ĐBDTTS giảm cả về số vụ, số đối tượng nhưng chiếm tỷ lệ cao (28,3%) trong tổng số phạm pháp hình sự xảy ra với 13 vụ, 14 đối tượng. Tội phạm liên quan đến thanh thiếu niên với 03 vụ, 03 đối tượng chiếm 6,5% tổng số tội phạm tăng cả về số vụ (03/02 vụ), số đối tượng (03/02 đối tượng) so với cùng kỳ năm 2020.

- Tội phạm ma túy diễn biến phức tạp, với phương thức thủ đoạn hoạt động ngày càng tinh vi. Tình trạng trẻ hóa và gia tăng số người nghiện, đặc biệt là số người nghiện là người ĐBDTTS tăng so với cùng kỳ năm 2020²¹.

- Tội phạm kinh tế: Tình hình có chiều hướng gia tăng, xuất hiện các hành vi vi phạm như mua bán hàng cấm (pháo nổ) và tín dụng đen (cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự); gian lận thương mại – mua bán hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ, lợi dụng mạng xã hội để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; vi phạm về quản lý, khai thác, bảo vệ rừng, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép... Trong năm 2021 phát hiện 10 vụ, 9 đối tượng vi phạm, giảm 05 vụ so với cùng kỳ năm 2020.

²¹ Tổng số người ĐBDTTS sử dụng ma túy trên địa bàn là 18 đối tượng, tăng 04 đối tượng so với năm 2020.

- Tội phạm môi trường: Phát hiện xử lý 5 vụ, 5 đối tượng vi phạm, giảm 4 vụ so với cùng kỳ năm 2020. Đã xử lý và bàn giao cho UBND xã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định.

- Tai nạn giao thông: Xảy ra 17 vụ làm chết 18 người và 13 người bị thương. So sánh cùng kỳ năm 2020: Số vụ là 17/17 vụ, bằng so với năm 2020; Số người chết: 18/22 người, giảm 04 người giảm 18,1%; Số người bị thương: 13/10 người tăng 03 người tăng 30%.

- Tai, tệ nạn khác: Xảy ra 07 vụ, chết 09 người, so với cùng kỳ năm 2020 tăng 2 vụ, tăng 03 người chết.

- Cháy, nổ: Xảy ra 03 vụ cháy thiệt hại tài sản ước tính khoảng 400 triệu đồng, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2020, giảm thiệt hại về tài sản khoảng 439 triệu so với cùng kỳ năm 2020.

2. Công tác quốc phòng - quân sự địa phương.

- Duy trì nghiêm chế độ trực SSCĐ, trực chỉ huy, phòng không, phân đội trực chiến từ huyện đến cơ sở; bảo đảm vũ khí, trang bị kỹ thuật, phương tiện theo quy định, duy trì và chấp hành nghiêm kỷ luật, bảo đảm an toàn trong mọi hoạt động; chỉ đạo lực lượng trinh sát quân báo phối hợp với các lực lượng trên địa bàn (*đặc biệt các làng, xã trọng điểm về tình hình ANCT*) nắm tình hình ANCT-TTATXH nhất là trong dịp Tết nguyên đán Tân Sửu năm 2021 và các ngày Lễ lớn.

- Công tác tuyển quân: Khám đủ sức khỏe nhập ngũ 397 công dân; Hội đồng các xã, thị trấn đề nghị gọi nhập ngũ là 266 công dân; Tổ chức phát lệnh gọi công nhân nhập ngũ năm 2021 là 220 công dân, đạt 100% chỉ tiêu (trong đó quân sự là 195 thanh niên, công an là 25 thanh niên).

- Xây dựng kế hoạch công tác GDQP và an ninh, kế hoạch huấn luyện DQTV năm 2021. Ban hành kế hoạch công tác quốc phòng, quân sự địa phương, kế hoạch Lễ ra quân huấn luyện năm 2021.

- Tổ chức huấn luyện tập huấn cho các đối tượng tiểu đội trưởng, trung đội trưởng DQ, DQBC năm 2021 quân số 116 đ/c. Tổ chức huấn luyện tập huấn cho thôn đội trưởng năm 2021 quân số 126 đ/c.

- Thực hiện nghiêm việc trực Tết, bố trí lực lượng trực tại các Khu cách ly tập trung huyện và chốt chặn tại đèo Chư Sê để phòng chống dịch Covid-19. Xây dựng kế hoạch bảo vệ Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng.

- Thông qua kế hoạch mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ trong trạng thái sẵn sàng chiến đấu cao, trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ và kế hoạch mở rộng lực lượng Dân quân tự vệ khi ban bố tình trạng khẩn cấp do thảm họa, dịch bệnh nguy hiểm hoặc tình hình đe dọa nghiêm trọng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Chư Sê năm 2021 tại Bộ CHQS tỉnh theo kế hoạch.

3. Công tác Nội vụ.

- *Xây dựng chính quyền*: Nâng lương thường xuyên cho cán bộ công chức xã; Đề nghị bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh, cho phép hợp đồng có thời hạn tại xã theo đúng thẩm quyền; Rà soát, bổ nhiệm quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025; Báo cáo kết quả đánh giá chính quyền cơ sở. Báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Kết luận số 120-KL/TW của Bộ Chính trị khóa IX. Báo cáo sắp xếp thôn, tổ dân phố giai đoạn 2018-2021 và kiến nghị, đề xuất giai đoạn tiếp theo. Ban hành quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2021-2026. Tăng cường công tác kiểm tra giờ giấc làm việc của cán bộ, chức chức, viên chức.

- *Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026*: Triển khai và tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 diễn ra vào ngày 23/5/2021.

- *Tổ chức bộ máy*: Thành lập và kiện toàn các Hội đồng, các Ban, các Đoàn kiểm tra, các Tổ công tác để thực hiện nhiệm vụ được đảm bảo.

- *Công chức, viên chức*: Điều động, bổ nhiệm, xin chủ trương điều động, bổ nhiệm công chức lãnh đạo quản lý; Nâng lương thường xuyên cho công chức, chức viên huyện và cho hưởng phụ cấp thâm niên nghề cho CBCC huyện theo thẩm quyền; Tổ chức tuyển dụng và phân công công tác đối với viên chức giáo viên trúng tuyển đảm bảo đúng quy định; Rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2020-2025; Báo kết quả sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Đề nghị thống nhất phân bổ số lượng người làm việc và HĐLĐ theo NĐ 68. Ban hành kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã năm 2021.

- *Công tác thi đua khen thưởng*: Kịp thời khen thưởng, động viên các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua, lập các thành tích trong các lĩnh vực, nhất là công tác phòng, chống dịch Covid-19. Được Chủ tịch UBND tỉnh tặng cờ “Vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tỉnh Gia Lai” cho nhân dân và cán bộ Chư Sê nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập huyện Chư Sê (17/8/1981-17/8/2021).

- *Công tác cải cách hành chính*: Tập trung công tác tuyên truyền CCHC năm 2021 của huyện theo kế hoạch đã đề ra. Kết quả đã tổ chức 15 buổi tuyên truyền tại các xã, thị trấn với hơn 700 lượt người tham dự; cấp phát 1.150 cuốn tài liệu các loại. Tiến hành tự kiểm tra 126 Nghị quyết của HĐND huyện và 714 Quyết định của UBND huyện. Kịp thời cập nhập, niêm yết danh mục thủ tục hành bổ sung, bãi bỏ được UBND tỉnh công bố thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và trên Trang thông tin điện tử của huyện và các xã, thị trấn. Tỷ lệ TTHC đã triển khai BCCI so với tổng số TTHC của đơn vị, địa phương đạt 94.3%. Đảm bảo kịp thời, đầy đủ trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho công tác xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử.

4. Công tác Tư pháp.

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật theo Kế hoạch đã đề ra. Tổ chức 15 buổi tuyên truyền tại các xã, thị trấn với hơn 700 lượt người tham dự về các nội dung như: Công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và Đại

biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026; Về quản lý, sử dụng pháo; xử lý hành vi vi phạm liên quan đến phòng, chống dịch Covid -19 và một số quy định khác. Tổ chức cấp phát hơn 1.500 bộ tài liệu đến các thôn, làng để cấp phát cho người dân. Tiếp nhận các tài liệu của Sở Tư pháp và cấp phát cho các xã, thị trấn để tuyên truyền, phổ biến đến nhân dân đầy đủ, kịp thời.

- Công tác quản lý hộ tịch:

+ Cấp huyện: Tiếp nhận và giải quyết 102 trường hợp cải chính, thay đổi, bổ sung thông tin hộ tịch; 01 trường hợp đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài.

+ Cấp xã, thị trấn: Đã đăng ký kết hôn cho 617 trường hợp; đăng ký khai sinh cho 11.967 trường hợp; đăng ký khai tử: 430 trường hợp; xác nhận tình trạng hôn nhân 1.206 trường hợp, nhận cha mẹ con 30 trường hợp, đăng ký giám hộ 01 trường hợp, cải chính, bổ sung, thay đổi hộ tịch: 53 trường hợp, đăng ký lại việc khai sinh 4.370 trường hợp.

- Công tác chứng thực:

+ Cấp huyện: Tiếp nhận giải quyết 612 sao y bản chính chứng thực.

+ Cấp xã, thị trấn: Chứng thực sao y tiếng Việt: 20.041 trường hợp; chứng thực chữ ký: 2.206 trường hợp; Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tặng cho quyền sử dụng đất: 274 trường hợp. Lệ phí thu được tổng cộng là 99.585.000đ.

- Công tác chứng thực bản sao điện tử từ bản chính: Đã triển khai và thực hiện chứng thực bản sao điện tử đạt tỉ lệ 66,67%/35% tỉ lệ tối thiểu được giao. Cụ thể có 10/15 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã phát sinh hồ sơ.

- Thành lập và triển khai hoạt động công tác của Đoàn kiểm tra liên ngành về kiểm tra công tác theo dõi, thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính năm 2021; Đoàn kiểm tra công tác tư pháp cho 8/15 xã, thị trấn; 01 Tổ kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2021.

5. Thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng.

- Công tác thanh tra: Trong năm 2021, đã triển khai 8 cuộc thanh tra hành chính. Trong đó có 07 cuộc thanh tra theo kế hoạch năm 2021 và 01 cuộc thanh tra đột xuất theo chỉ đạo của Thanh tra tỉnh. Kết quả đã kết luận 06 cuộc thanh tra, kiến nghị thu hồi 53.522.199 đồng tiền chi không đảm bảo, đồng thời yêu cầu các đơn vị tổ chức họp kiểm điểm rút kinh nghiệm các cá nhân liên quan.

- Công tác tiếp dân định kỳ được duy trì, tổ chức thường xuyên theo đúng lịch trình, kế hoạch đã đề ra. Trong năm 2021, toàn huyện đã tiếp được 180 lượt với 211 người đến khiếu nại, thắc mắc, kiến nghị (giảm 102 lượt, 102 người so với cùng kỳ năm 2020), có 03 đoàn kiến nghị tập trung đông người đến tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân huyện để kiến nghị, khiếu nại. Tất cả ý kiến, kiến nghị, phản ánh của công dân được quan tâm chỉ đạo, giải quyết kịp thời.

- Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn: trong năm 2021, tổng số đơn toàn huyện đã tiếp nhận là 188 đơn, giảm 252 đơn so với cùng kỳ năm 2020. Đơn kỳ

trước chuyển sang 09 đơn. Đến nay đã giải quyết 180/197 đơn, đạt 91,37%, đơn đang thụ lý, giải quyết 17/197 đơn, đạt 6,63%.

V. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CỦA NGHỊ QUYẾT HĐND HUYỆN:

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021		Kết quả so với NQ
			Kế hoạch	Ước TH năm 2021	
I	VỀ KINH TẾ				
1	Tổng diện tích gieo trồng	ha	34.749	35.840,58	Vượt
2	Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	11.433	12.506,41	Vượt
3	Tốc độ tăng trưởng Kinh tế	%	8,97	9,39	Vượt
4	Cơ cấu kinh tế (theo GTSX hiện hành)	%	100	100	Không đạt
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	36,01	35,98	
-	Ngành nông lâm, thủy sản	%	32,26	32,66	
-	Ngành Thương mại-dịch vụ	%	31,72	31,36	
5	Tổng sản lượng lương thực (cây có hạt)	Tấn	37.890	40.753,1	Vượt
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/năm	61,46	61,5	Đạt
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	663,6	581,8	Không Đạt
	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	219,9	69,6	Không Đạt
8	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	663,6	538,4	Không đạt
9	Mức đầu tư XDCB trên địa bàn (do huyện quản lý)	Tỷ đồng	209	80	Không đạt
II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI				
1	Dân số trung bình	Người	125.325	126.074	Vượt
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,042	1,276	Đạt
	<i>Trong đó: tăng tự nhiên</i>	%	<i>1,034</i>	<i>1,034</i>	Đạt
3	Tỷ lệ hộ nghèo (Theo NQ HĐND)	%	2,63	1,8	Đạt
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (Theo NQ HĐND)	%	0,4	1,2	Đạt
5	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	3.000	1.629	Không đạt
6	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	99,7	99,7	Đạt
7	Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	5	Đạt

8	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	%	14,7	15,48	Vượt
9	Tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	100	100	Đạt
10	Xây dựng xã đạt chuẩn NTM (H'ông)	Xã	1	1	Đạt
11	Xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao (Bờ Ngoong)	Xã	1	0	Đạt
12	Xây dựng làng đạt chuẩn NTM	Làng	11	01	Không đạt
III	VỀ MÔI TRƯỜNG				
1	Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su)	%	27,5	27,5	Đạt
2	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	97	97	Đạt
3	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	85	85	Đạt
IV	VỀ QUỐC PHÒNG – AN NINH				
1	Chỉ tiêu giao quân	%	(220)100 %	(220)100 %	Đạt
2	Tỷ lệ xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	>80	> 80	Đạt

Trong 26 chỉ tiêu chủ yếu năm 2021 mà Nghị quyết của Đảng bộ huyện và HĐND huyện đề ra dự ước 21 chỉ tiêu có khả năng đạt và 06 chỉ tiêu không đạt (*cơ cấu kinh tế, Thu ngân sách, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn, mức đầu tư xây dựng cơ bản, xây dựng làng nông thôn mới và số lao động được giải quyết việc làm*).

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Tỉnh và HĐND huyện trong năm 2021 đã được UBND huyện tổ chức triển khai kịp thời nhất là Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai; Nghị quyết số 02/-NQ/HU ngày 02/12/2020 của Hội nghị lần thứ Ba Ban chấp hành Đảng bộ huyện Chư Sê về chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021, Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện về tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng- an ninh năm 2021. Phối hợp, tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026. Mặc dù chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 trên người và bệnh viêm da nổi cục trên trâu, bò nhưng tổng giá trị sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đều đạt và vượt so với cùng kỳ năm 2020. Công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 được chỉ đạo, triển khai quyết liệt, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với từng tình hình thực tế của dịch bệnh; bệnh viêm da nổi cục trên đàn trâu, bò xảy ra trên toàn bộ các xã, thị trấn nhưng đã được khống chế, không xảy ra các dịch bệnh nghiêm trọng khác trên cây trồng và vật nuôi. Công tác phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn được chỉ đạo kịp thời, chủ

động ứng phó với tình hình mưa, bão. Công tác quản lý, bình ổn giá, phòng chống gian lận thương mại được triển khai quyết liệt, nhất là trong các dịp Lễ, Tết và trong thời gian xảy ra dịch Covid-19. Đã và đang thu hút các doanh nghiệp về nghiên cứu, đầu tư về lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện. Kịp thời hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Tổng hợp kịp thời danh sách công dân đang làm việc tại các vùng có dịch có nhu cầu trở về địa phương. Công tác dạy và học đảm bảo linh hoạt thích ứng với tình hình dịch Covid-19. Làm tốt công tác tuyên truyền về phòng chống dịch Covid-19 và phổ biến pháp luật đến người dân. Đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh được tiếp nhận và quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời. Tai nạn giao thông giảm, an ninh trật tự và an toàn xã hội được đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Một số doanh nghiệp, hợp tác xã ngưng hoạt động hoặc giải thể, người lao động bị mất việc làm. Người lao động từ các vùng dịch trở về số lượng lớn nên công tác bảo đảm an sinh xã hội gặp nhiều khó khăn. Công tác giải ngân vốn đầu tư công còn chậm (*đạt 51% so với KH*). Công tác thu tiền sử dụng đất chưa đạt so với chỉ tiêu giao. Tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, cháy rừng và phá rừng trái phép còn xảy ra. Một số chỉ tiêu dự ước không đạt so với Nghị quyết HĐND huyện đã đề ra.

B. KẾ HOẠCH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

I. Mục tiêu tổng quát:

Tiếp tục phát triển kinh tế- xã hội ổn định, bền vững và thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch Covid – 10 thích ứng tình hình mới. Trong đó tập trung và chú trọng triển khai thực hiện 03 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đề ra. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy các thành phần kinh tế phát triển; đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính. Tập trung nguồn lực thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo kế hoạch. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cơ cấu và phát triển các ngành, lĩnh vực; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đầu tư công. Triển khai các giải pháp tạo lập nguồn thu ngân sách ổn định, lâu dài. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tăng cường kiểm soát, quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường. Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân; đảm bảo các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó kịp thời với dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19. Quan tâm thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

II. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2022:

Phân đầu năm 2022 đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Ước TH năm 2021	KH năm 2022
I	CHỈ TIÊU KINH TẾ			
1	Tổng diện tích gieo trồng	ha	35.840,58	36.338,22
2	Tổng giá trị sản xuất (giá SS 2010)	Tỷ đồng	12.506,41	13.610,52
3	Tốc độ tăng trưởng Kinh tế	%	9,39	8,83
4	Cơ cấu kinh tế (theo GTSX hiện hành)	%	100	100
-	Ngành công nghiệp - Xây dựng	%	35,98	36,82
-	Ngành nông lâm, thủy sản	%	32,66	31,92
-	Ngành Thương mại-dịch vụ	%	31,36	31,26
5	Tổng sản lượng lương thực (cây có hạt)	tấn	40.753	39.158
6	Thu nhập bình quân đầu người	Triệu đồng/ người/năm	61,5	67,3
7	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ đồng	581,8	670,9
-	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	Tỷ đồng	69,6	240,3
8	Tổng chi ngân sách	Tỷ đồng	538,4	670,9
9	Mức đầu tư XD CB trên địa bàn (do huyện quản lý)	Tỷ đồng	80	221,683
II	CHỈ TIÊU VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI			
1	Dân số trung bình	Người	126.074	126.650
2	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,276	0,91
	<i>Trong đó: tăng tự nhiên</i>	%	1,034	1,1
3	Tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn nghèo mới)	%		10,37
4	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (chuẩn nghèo mới)	%		2
5	Số lao động được giải quyết việc làm	Người	1.629	3.000
6	Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	%	99,7	99,7
7	Xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia (hỏi lại số liệu này giúp em)	Trường	5	5
8	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy dinh dưỡng	%	15,48	14,71
9	Xây dựng xã đạt chuẩn NTM	Xã	1	1
10	Xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao	Xã	1	4
11	Xây dựng làng đạt chuẩn NTM	Làng	1	10
III	CHỈ TIÊU VỀ MÔI TRƯỜNG			

1	Tỷ lệ che phủ của rừng (kể cả cây cao su)	%	27,5	27,6
2	Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch hợp vệ sinh	%	97	97
3	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	%	85	85
IV	VỀ QUỐC PHÒNG – AN NINH			
1	Chỉ tiêu giao quân	%	(220)100%	(230)100%
2	Tỷ lệ xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng - an ninh	%	> 80	>80

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành:

- Yêu cầu các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn tiếp tục quán triệt các quan điểm, nguyên tắc, phương châm và thực hiện các biện pháp về phòng, chống dịch Covid-19 theo chỉ đạo của Trung Ương, của Tỉnh, Ban chỉ đạo phòng chống Covid-19 của huyện. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các giải pháp vừa phát triển kinh tế - xã hội vừa phòng chống dịch Covid-19 trong tình hình mới. Đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, giải ngân vốn đầu tư công, giải quyết việc làm, đảm bảo an sinh xã hội.

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển Kinh tế - xã hội bám sát Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 31/5/2021 của UBND huyện về Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Gia Lai lần thứ XVI; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh Gia Lai và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X nhiệm kỳ 2020 - 2025. Trong đó chú trọng việc triển khai 03 chương trình trọng tâm mà Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ X đề ra.

- Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng, sự giám sát của HĐND, sự phối hợp của Mặt trận và các Đoàn thể tạo sự đồng thuận trong nhân dân, doanh nghiệp trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh. Tập trung thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội ngay những tháng đầu năm 2022.

- Thực hiện nghiêm Quy chế làm việc của UBND huyện. Tăng cường kỷ cương, kỷ luật, hiệu quả thực thi pháp luật và sự chỉ đạo, điều hành của tập thể UBND huyện. Đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tập trung giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, chủ động phối hợp công tác giữa các ngành, các cấp để giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tồn đọng trong thực thi nhiệm vụ. Hoàn thành tiến độ, đảm bảo chất lượng các nội dung theo kế hoạch, chương trình đã đề ra.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện và các Hội, Đoàn thể tiếp tục triển khai có hiệu quả việc củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc; tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh; Tập trung tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên cùng các tầng lớp nhân dân đoàn kết, chung sức, đồng lòng, thực hiện có hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hội;

triển khai sâu rộng và có hiệu quả các cuộc vận động, phong trào thi đua. Thực hiện giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

2. Về Kinh tế:

2.1. Sản xuất nông – Lâm - Thủy sản

- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/HU ngày 18/4/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa IX về việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025 trên địa bàn huyện Chư Sê một cách đồng bộ, hiệu quả, trong đó phát triển cây dược liệu là chiến lược, là khâu đột phá. Chú trọng phát triển các loại cây công nghiệp chủ lực của huyện theo hướng thâm canh gắn với chế biến. Tập trung các nguồn lực đẩy tư phát triển kết cấu hạ tầng nông nghiệp, xây dựng các vùng, khu nông nghiệp công nghệ cao. Đẩy mạnh thực hiện triển khai và nhân rộng các mô hình khuyến nông, hỗ trợ phát triển sản xuất có hiệu quả cao.

- Tập trung công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với điều kiện thời tiết của từng địa phương có năng suất, chất lượng cao. Tăng cường công tác kiểm soát, phòng chống sâu bệnh trên các loại cây trồng và các loại dịch bệnh trên đàn vật nuôi, đặc biệt tăng cường theo dõi, ngăn chặn nguy cơ tái phát Dịch tả lợn Châu Phi, dịch bệnh Viêm da nổi cục ở trâu, bò. Thực hiện tốt công tác trồng, chăm sóc, quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và nâng độ che phủ rừng. Chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn theo phương châm 4 tại chỗ, sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, trong đó tập trung thực hiện hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu cho các xã Ia Ko có điều kiện hoàn thành xã đạt chuẩn nông thôn mới trong năm 2022 theo kế hoạch.

- Thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đẩy mạnh công tác trồng rừng, giao khoán bảo vệ rừng. Phấn đấu tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2022 đạt 27,5%.

2.2. Công nghiệp – Xây dựng và Thương mại – Dịch vụ

- Tổng giá trị sản xuất bình quân ngành công nghiệp xây dựng ước đạt 4.967 tỷ đồng. Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật các vị trí quy hoạch khu dân cư mới, xây dựng dân dụng, công trình giáo dục công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn ưu tiên các xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022. Thương mại – Dịch vụ với tổng giá trị sản xuất bình quân năm 2022 ước đạt 4.349 tỷ đồng; Tổng giá trị bán lẻ hàng hóa bình quân năm 2022 ước đạt 2.128 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010). Tăng cường các Hội chợ triển lãm, tham gia xúc tiến thương mại theo kế hoạch của Sở Công thương, đưa hàng Việt về nông thôn, kích cầu thương mại,

dịch vụ, tích lũy hàng hóa, nâng cao chất lượng sản phẩm...đảm bảo nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.

- Đầu tư phát triển đồng bộ về kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế; đẩy mạnh vào xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm Công nghiệp huyện.

- Về xây dựng: Tổ chức lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch làm cơ sở triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật đầu tư, đấu giá quyền sử dụng đất. Tạo điều kiện thuận lợi các nhà đầu tư triển khai xây dựng các công trình: Năng lượng, chế biến sau thu hoạch, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Về giao thông: Đảm bảo giao thông thông suốt, khắc phục sửa chữa các tuyến đường hư hỏng và giảm thiểu tai nạn giao thông đến mức thấp nhất, đường giao thông nông thôn đạt 15-20km/năm.

2.3. Lĩnh vực thu - chi ngân sách:

- Tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tạo lập nguồn thu ngân sách ổn định, lâu dài; đảm bảo khai thác các nguồn thu địa phương một cách hợp lý, tích cực, bền vững từ các hoạt động sản xuất kinh doanh, phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện. Nâng dần tỷ lệ tự cân đối, giảm phần bổ sung từ ngân sách cấp trên. Đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, chống thất thu nợ đọng thuế ngay từ đầu năm. Tiếp tục triển khai đấu giá thu tiền sử dụng đất tại các vị trí quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt. Chủ động xây dựng phương án bảo đảm nguồn thu cân đối ngân sách địa phương trong trường hợp bị ảnh hưởng lớn của giá cả so với dự toán.

Thực hiện tốt dự toán chi ngân sách, quản lý tài sản công chặt chẽ; bảo đảm kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách; thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong quản lý chi tiêu ngân sách ở tất cả các ngành, các cấp. Thực hiện tốt cơ cấu chi ngân sách trong đó tăng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên.

2.4. Đầu tư, phát triển hạ tầng:

- Tiếp tục thực hiện Nghị quyết 04-NQ/HU, ngày 27/5/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa X. Chỉ đạo khẩn trương thực hiện nhiệm vụ quy hoạch chung thị trấn Bờ Ngoong và hoàn thành việc phê duyệt trong quý I/2022. Triển khai việc lập nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng đô thị Chư Sê. Hoàn thành và phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết KDC thôn Hồ Nước, quy hoạch chi tiết xây dựng KDC Tổ dân phố 12, thị trấn Chư Sê. Triển khai việc xây dựng các công trình Hạ tầng cụm công nghiệp và kêu gọi các doanh nghiệp đăng ký sản xuất kinh doanh tại Cụm công nghiệp tập trung huyện.

- Tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng; trong đó ưu tiên đầu tư xây dựng các công trình thiết yếu, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh như: Đường giao thông nội thị, đường giao thông nông thôn, điện, thủy lợi, trường học, trạm y tế xã và đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn.

- Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng và sớm khởi công các công trình xây dựng cơ bản năm 2022 theo kế hoạch. Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các dự án đầu tư phải đúng kế hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt. Đẩy mạnh việc giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ. Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện như: đường liên huyện Chư Sê - Chư Puh - Chư Prông; đường liên huyện Plieku- Đăk Đoa- Chư Sê.

2.5. Tài nguyên và Môi trường:

- Tăng cường kiểm soát, quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên trên địa bàn huyện; quản lý việc khai thác mỏ khoáng sản; xử lý các hành vi vi phạm hành chính về khai thác tài nguyên, sử dụng đất...; Tăng cường quản lý nhà nước, đồng thời nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, xử lý các nguồn gây ô nhiễm. Tập trung xử lý chất thải rắn, rác thải để bảo vệ môi trường theo hướng ứng dụng công nghệ hiện đại. Hoàn thiện tiêu chí về môi trường đối với đô thị loại IV theo quy định của Bộ xây dựng.

- Tăng cường công tác giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất, hồ sơ môi trường đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định. Tập trung giải quyết đơn thư kiến nghị, đề nghị, phản ánh liên quan đến lĩnh vực tài nguyên mà môi trường kịp thời, đúng quy định.

3. Văn hóa-xã hội:

3.1. Phát triển Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nội dung các cuộc vận động, các phong trào thi đua của ngành bằng những việc làm thiết thực, hiệu quả, phù hợp điều kiện của địa phương, gắn với việc đổi mới hoạt động giáo dục của nhà trường, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tại mỗi đơn vị trường học.

- Tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo phù hợp với tình hình mới. Tiếp tục củng cố và nâng chuẩn mức độ phổ cập giáo dục và xóa mù chữ. Thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số học sinh, làm tốt công tác vận động học sinh đến trường. Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất đảm bảo các chỉ tiêu về trường chuẩn Quốc gia. Phấn đấu đến năm 2022, toàn huyện có 33/47 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên, các Trung tâm học tập cộng đồng, thực hiện các biện pháp

nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo nghề gắn với chuyển đổi cơ cấu lao động trong nông thôn.

3.2. An sinh xã hội, chế độ chính sách, lao động việc làm và xóa đói giảm nghèo:

- Giải quyết kịp thời các chính sách ưu đãi cho người có công, đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định; phát triển hệ thống an sinh xã hội hiệu quả, bền vững, bảo vệ nhóm yếu thế trong xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025; chương trình hành động thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện.

- Thực hiện tốt công tác giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động. Triển khai kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo đạt, vượt chỉ tiêu tỉnh giao. Phối hợp với các doanh nghiệp tuyển dụng lao động giải quyết việc làm ổn định cho người lao động phù hợp với tình hình mới. Giải quyết kịp thời chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định. Phấn đấu năm 2022 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 42,5%; giải quyết việc làm cho 3.000 lao động.

3.3. Phát triển văn hóa, thể dục thể thao, thông tin – truyền thông:

- Tăng cường công tác tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đến người dân. Gắn kết phát triển văn hoá với phát triển kinh tế, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống; Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động văn hoá thể thao chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước. Tiếp tục đẩy mạnh và tổ chức thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Căn cứ tình hình thực tế về phòng chống dịch Covid-19 để tiếp tục tổ chức Đại hội Thể dục thể thao cấp cơ sở và Đại hội Thể dục thể thao huyện Chư Sê lần thứ IX phù hợp với tình hình mới. Đẩy mạnh xã hội hóa và đa dạng hoá nguồn lực đối với lĩnh vực văn hóa, thể dục thể thao.

- Nâng cao chất lượng các chương trình truyền thanh, truyền hình và hoạt động đưa tin, bài.. nhằm thông tin kịp thời, chính xác về quan điểm chỉ đạo của Đảng, lãnh đạo của nhà nước đến nhân dân. Tăng thời lượng phát sóng chương trình nông nghiệp, nông thôn và tiếng dân tộc.

4. Công tác nội chính:

4.1. Cải cách hành chính, giải quyết đơn thư khiếu nại:

- Nâng cao năng lực điều hành, trách nhiệm thực thi công vụ của cán bộ, công chức. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động của hệ thống hành chính các cấp. Thực hiện đồng bộ công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến mọi tầng lớp nhân dân để nâng cao nhận thức, tự giác chấp hành pháp luật.

- Thực hiện tốt công tác tiếp dân, chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân theo quy định. Tiến hành các cuộc thanh tra theo kế hoạch. Đẩy mạnh công tác thực hành tiết kiệm và chống lãng phí. Tăng cường công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đặc biệt trong các lĩnh vực quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý vốn, tài sản của Nhà nước.

4.2. Quốc phòng, An ninh:

- Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu được giao. Triển khai công tác huấn luyện, công tác diễn tập chiến đấu phòng thủ các xã đúng kế hoạch.

- Tăng cường công tác đảm bảo an ninh chính trị, đấu tranh với các âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch, không để phục hồi hoạt động FULRO, liên quan đến FULRO, không để xảy ra biểu tình, bạo loạn trong mọi tình huống; giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo tại cơ sở. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để ngăn chặn các hành vi, vi phạm trật tự, an toàn xã hội, nhất là giảm số đối tượng vi phạm liên quan đến người đồng bào dân tộc thiểu số, tội phạm liên quan đến thanh thiếu niên. Thường xuyên tuần tra, xử lý các hành vi vi phạm về Luật giao thông, phấn đấu giảm thiểu tai nạn giao thông ở cả 3 tiêu chí. Nâng cao hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng chống cháy nổ.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng – an ninh năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022 của huyện Chư Sê. UBND huyện báo cáo HĐND huyện khóa X – Kỳ họp thứ Tư.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- TTHU, TTHĐND huyện (B/c);
- Ban TT UBMTTQ huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban đơn vị thuộc huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT-các CV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Rmah H'Bé Nét

CÁC CHỈ TIÊU VỀ NGÀNH NÔNG LÂM NGHIỆP

(Kèm theo Báo cáo số: 648/BC-UBND ngày 13 / 12 /2021 của UBND huyện Chư Sê)

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021							Năm 2022			
				Kế hoạch 2021	Kết quả sản xuất Đông Xuân 2020-2021	Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021	Ước thực hiện vụ Mùa 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước TH 2021 so với TH 2020 (%)	So sánh ước TH 2021 với KH 2021 (%)	Kế hoạch 2022	Kế hoạch vụ Đông Xuân 2021-2022	Kế hoạch vụ Mùa 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021 (%)
A	Ngành Nông - Lâm - Thủy Sản	Tỷ đồng	3,870.00	4,097.00				4,163.55	107.59	101.62	4,294.52			103.15
1	Nông nghiệp	Tỷ đồng	3,804.30	4,028.70				4,095.25	107.65	101.65	4,223.70			103.14
	Tr.đó: Trồng trọt	Tỷ đồng	2,603.00	2,707.60				2,765.45	106.24	102.14	2,869.26			103.75
	Chăn nuôi	Tỷ đồng	640.60	745.40				754.10	117.72	101.17	769.24			102.01
	Dịch vụ nông nghiệp	Tỷ đồng	560.70	575.70				575.70	102.68	100.00	585.20			101.65
2	Lâm nghiệp	Tỷ đồng	15.00	16.00				16.00	106.67	100.00	17.00			106.25
3	Thủy sản	Tỷ đồng	50.70	52.30				52.30	103.16	100.00	53.82			102.91
A.1	TRỒNG TRỌT													
	Tổng DTGT	Ha	34,793.20	35,756.08	2,024.00	33,751.08	33,816.58	35,840.58	103.01	100.24	36,338.22	2,010.00	34,328.22	101.39
	Tổng SLLT	Tấn	39,175.96	39,374.48	9,148.50	30,225.98	31,604.60	40,753.10	104.03	103.50	39,158.18			96.09
	Tr.đó: thóc	Tấn	22,163.20	23,026.50	9,148.50	13,878.00	14,467.60	23,616.10	106.56	102.56	23,055.00			97.62
I	Cây lương thực	Ha	6,860.00	7,065.00	1,605.00	5,460.00	5,460.00	7,065.00	102.99	100.00	7,030.00	1,610.00	5,420.00	99.50
1	Lúa	Ha	4,380.00	4,385.0	1,605.00	2,780.00	2,780.00	4,285.00	97.83	97.72	4,390.00			102.45
	NS	Tạ/ha	53.73	52.53	57.00	49.92	52.04	55.11	102.57	104.93	52.52			95.29
	SL	Tấn	23,534.00	23,026.5	9,148.50	13,878.00	14,467.60	23,616.10	100.35	102.56	23,055.00			97.62
	- Lúa đông xuân	Ha	1,600.00	1,605.00	1,605.00			1,605.00	100.31	100.00	1,610.00	1,610.00		100.31
	NS	Tạ/ha	57.00	57.00	57.00			57.00	100.00	100.00	57.00	57.00		100.00
	SL	Tấn	9,120.00	9,148.50	9,148.50			9,148.50	100.31	100.00	9,177.00	9,177.00		100.31
	- Lúa ruộng vụ mùa	Ha	2,680.00	2,680.00		2,680.00	2,680.00	2,680.00	100.00	100.00	2,680.00		2,680.00	100.00
	NS	Tạ/ha	53.00	51.00		51.00	53.20	53.20	100.38	104.31	51.00		51.00	95.86
	SL	Tấn	14,204.00	13,668.00		13,668.00	14,257.60	14,257.60	100.38	104.31	13,668.00		13,668.00	95.86
	- Lúa cạn vụ mùa	Ha	100.00	100.0		100.00	100.0	100.0	100.00	100.00	100.00		100.00	100.00
	NS	Tạ/ha	21.00	21.0		21.00	21.0	21.0	100.00	100.00	21.00		21.00	100.00
	SL	Tấn	210.00	210.0		210.00	210.0	210.0	100.00	100.00	210.00		210.00	100.00
2	Ngô	Ha	2,480.00	2,680.00		2,680.00	2,680.00	2,680.00	108.06	100.00	2,640.00		2,640.00	98.51
	NS	Tạ/ha	63.07	61.00		61.00	63.94	63.94	101.39	104.83	61.00		61.00	95.39
	SL	Tấn	15,641.96	16,347.98		16,347.98	17,137.00	17,137.00	109.56	104.83	16,103.18		16,103.18	93.97
	Vụ Đông Xuân	Ha												
	NS	Tạ/ha												
	SL	Tấn												

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021							Năm 2022			
				Kế hoạch 2021	Kết quả sản xuất Đông Xuân 2020-2021	Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021	Ước thực hiện vụ Mùa 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước TH 2021 so với TH 2020 (%)	So sánh ước TH 2021 với KH 2021 (%)	Kế hoạch 2022	Kế hoạch vụ Đông Xuân 2021-2022	Kế hoạch vụ Mùa 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021 (%)
	Vụ Mùa	Ha	2,480.00	2,680.00		2,680.00	2,680.00	2,680.00	108.06	100.00	2,640.00		2,640.00	98.51
	NS	Tạ/ha	63.07	61.00		61.00	63.94	63.94	101.39	104.83	61.00		61.00	95.39
	SL	Tấn	15,641.96	16,347.98		16,347.98	17,137.00	17,137.00	109.56	104.83	16,103.18		16,103.18	93.97
	Ngô ĐP	Ha	57.00	75.00		75.00	75.00	75.00	131.58	100.00	75.00		75.00	100.00
	NS	Tạ/ha	66.15	54.05		54.05	62.00	62.00	93.73	114.71	54.05		54.05	87.18
	SL	Tấn	377.06	405.38		405.38	465.00	465.00	123.32	114.71	405.38		405.38	87.18
	Ngô lai	Ha	2,423.00	2,605.00		2,605.00	2,605.00	2,605.00	107.51	100.00	2,565.00		2,565.00	98.46
	NS	Tạ/ha	63.00	61.20		61.20	64.00	64.00	101.59	104.58	61.20		61.20	95.63
	SL	Tấn	15,264.00	15,942.60		15,942.60	16,672.00	16,672.00	109.22	104.58	15,697.80		15,697.80	94.16
II	Cây tinh bột có củ	Ha	1,380.00	1,473.00		1,473.00	1,473.00	1,473.00	106.74	100.00	1,400.00		1,400.00	95.04
1	Sắn cả năm	Ha	930.00	900.00		900.00	900.00	900.00	96.77	100.00	800.00		800.00	88.89
	NS	Tạ/ha	195.00	210.00		210.00	210.00	210.00	107.69	100.00	210.00		210.00	100.00
	SL	Tấn	18,135.00	18,900.00		18,900.00	18,900.00	18,900.00	104.22	100.00	16,800.00		16,800.00	88.89
2	Khoai lang	Ha	450.00	573.00		573.00	573.00	573.00	127.33	100.00	600.00		600.00	104.71
	NS	Tạ/ha	105.00	105.00		105.00	105.00	105.00	100.00	100.00	105.00		105.00	100.00
	SL	Tấn	4,725.00	6,016.50		6,016.50	6,016.50	6,016.50	127.33	100.00	6,300.00		6,300.00	104.71
III	Cây thực phẩm	Ha	1,769.00	1,785.70	350.00	1,435.70	1,451.70	1,801.70	101.85	100.90	1,741.70	350.00	1,391.70	96.67
1	Đậu các loại	Ha	650.00	650.00		650.00	660.00	660.00	101.54	101.54	600.00		600.00	90.91
	NS	Tạ/ha	12.00	12.00		12.00	12.00	12.00	100.00	100.00	12.00		12.00	100.00
	SL	Tấn	780.00	780.00		780.00	792.00	792.00	101.54	101.54	720.00		720.00	90.91
2	Rau các loại (có cả tre lấy măng)	Ha	1,119.00	1,135.70	350.00	785.70	791.70	1,141.70	102.03	100.53	1,141.70			100.00
	NS	Tạ/ha	113.13	135.00	133.00	135.89	135.88	135.00	119.33	100.00	135.00			100.00
	SL	Tấn	12,659.00	15,331.88	4,655.00	10,676.88	10,757.62	15,412.62	121.75	100.53	15,412.95			100.00
	Vụ Đông Xuân	Ha	350.00	350.00	350.00			350.00	100.00	100.00	350.00	350.00		100.00
	NS	Tạ/ha	120.00	133.00	133.00			133.00	110.83	100.00	133.00	133.00		100.00
	SL	Tấn	4,200.00	4,655.00	4,655.00			4,655.00	110.83	100.00	4,655.00	4,655.00		100.00
	Vụ Mùa	Ha	769.00	785.70		785.70	791.70	791.70	102.95	100.76	791.70		791.70	100.00
	NS	Tạ/ha	110.00	135.89		135.89	135.88	135.88	123.53	99.99	135.88		135.88	100.00
	SL	Tấn	8,459.00	10,676.88		10,676.88	10,757.62	10,757.62	127.17	100.76	10,757.62		10,757.62	100.00
IV	Cây CNNN	Ha	1,055.00	1,110.00		1,110.00	1,110.00	1,110.00	105.21	100.00	1,120.00		1,120.00	100.90
1	Lạc cả năm	Ha	455.00	460.00		460.00	460.00	460.00	101.10	100.00	420.00		420.00	91.30
	NS	Tạ/ha	13.00	13.00		13.00	13.00	13.00	100.00	100.00	13.00		13.00	100.00
	SL	Tấn	591.50	598.00		598.00	598.00	598.00	101.10	100.00	546.00		546.00	91.30

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021						Năm 2022				
				Kế hoạch 2021	Kết quả sản xuất Đông Xuân 2020-2021	Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021	Ước thực hiện vụ Mùa 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước TH 2021 so với TH 2020 (%)	So sánh ước TH 2021 với KH 2021 (%)	Kế hoạch 2022	Kế hoạch vụ Đông Xuân 2021-2022	Kế hoạch vụ Mùa 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021 (%)
2	Mè	Ha												
	NS	Tạ/ha												
	SL	Tấn												
3	Thuốc lá	Ha												
	NS	Tạ/ha												
	SL	Tấn												
4	Mía tổng số	Ha	600.00	650.00		650.00	650.00	650.00	108.33	100.00	700.00		700.00	107.69
	Trồng mới	Ha	90.00	250.00		250.00	250.00	250.00	277.78	100.00	300.00		300.00	120.00
	Thu hoạch	Ha	600.00	650.00		650.00	650.00	650.00	108.33	100.00	700.00		700.00	107.69
	NS	Tạ/ha	800.00	800.00		800.00	800.00	800.00	100.00	100.00	820.00		820.00	102.50
	SL	Tấn	48,000.00	52,000.00		52,000.00	52,000.00	52,000.00	108.33	100.00	57,400.00		57,400.00	110.38
V	Cây HN khác (ớt cay, hoa, cây cảnh, cỏ chăn nuôi...)	Ha	170.00	247.00	69.00	197.00	197.00	266.00	156.47	107.69	220.00	50.00	170.00	82.71
VI	Cây CNDN	Ha	20,663.20	20,634.38		20,634.38	20,820.82	20,820.82	100.76	100.90	20,868.52		20,868.52	100.23
1	Cao su tổng số	Ha	6,986.40	6,924.18		6,924.18	6,924.18	6,924.18	99.11	100.00	6,924.18		6,924.18	100.00
	Trồng mới	Ha	380.00	380.00		380.00	76.31	76.31	20.08	20.08	322.19		322.19	422.21
	Tái canh	Ha	380.00	380.00		380.00	76.31	76.31	20.08	20.08	322.19		322.19	422.21
	CSKTCB	Ha	3,078.40	3,422.38		3,422.38	3,458.40	3,458.40	112.34	101.05	3,534.71		3,534.71	102.21
	K.Doanh	Ha	3,528.00	3,121.80		3,121.80	3,389.47	3,389.47	96.07	108.57	3,067.28		3,067.28	90.49
	NS	Tạ/ha	14.75	14.60		14.60	14.60	14.60	98.98	100.00	14.60		14.60	100.00
	SL (mủ khô)	Tấn	5,203.40	4,557.63		4,557.63	4,948.63	4,948.63	95.10	108.58	4,478.23		4,478.23	90.49
2	Cà phê tổng số	Ha	10,624.80	11,249.90		11,249.90	11,486.34	11,486.34	108.11	102.10	11,486.34		11,486.34	100.00
	Trồng mới+TC	Ha	516.00	200.00		200.00	436.44	436.44	84.58	218.22	200.00		200.00	45.83
	KTCB	Ha	997.00	1,052.60		1,052.60	1,052.60	1,052.60	105.58	100.00	1,489.04		1,489.04	141.46
	K.Doanh	Ha	9,111.80	9,997.30		9,997.30	9,997.30	9,997.30	109.72	100.00	9,797.30		9,797.30	98.00
	NS	Tạ/ha	32.05	31.00		31.00	31.00	31.00	96.72	100.00	32.00		32.00	103.23
	SL (cà phê nhân)	Tấn	29,017.43	30,991.63		30,991.63	30,991.63	30,991.63	106.80	100.00	31,351.36		31,351.36	101.16
3	Điều tổng số	Ha	140.00	200.00		200.00	150.00	150.00	107.14	75.00	150.00		150.00	100.00
	Trồng mới	Ha	12.00	62.00		62.00	12.00	12.00	100.00	19.35	0.00		0.00	0.00
	CSKTCB	Ha	28.00	38.00		38.00	38.00	38.00	135.71	100.00	50.00		50.00	131.58
	K.Doanh	Ha	100.00	100.00		100.00	100.00	100.00	100.00	100.00	100.00		100.00	50.00
	NS	Tạ/ha	11.00	11.00		11.00	11.00	11.00	100.00	100.00	11.00		11.00	909.09
	SL	Tấn	110.00	110.00		110.00	110.00	110.00	100.00	100.00	110.00		110.00	10.00

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021							Năm 2022			
				Kế hoạch 2021	Kết quả sản xuất Đông Xuân 2020-2021	Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021	Ước thực hiện vụ Mùa 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước TH 2021 so với TH 2020 (%)	So sánh ước TH 2021 với KH 2021 (%)	Kế hoạch 2022	Kế hoạch vụ Đông Xuân 2021-2022	Kế hoạch vụ Mùa 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021 (%)
4	Chè	Ha												
	CSKTCB	Ha												
	K.Doanh	Ha												
	NS	Tạ/ha												
	SL	Tấn												
5	Cây tiêu	Ha	2,902.00	2,248.00		2,248.00	2,248.00	2,248.00	77.46	100.00	2,302.00		2,302.00	102.40
	Trồng mới	Ha	20.00	90.00		90.00	90.00	90.00	450.00	100.00	50.00		50.00	55.56
	CSKTCB	Ha	382.00	248.00		248.00	248.00	248.00	64.92	100.00	338.00		338.00	136.29
	K.Doanh	Ha	2,500.00	1,910.00		1,910.00	1,910.00	1,910.00	76.40	100.00	1,914.00		1,914.00	100.21
	NS	Tạ/ha	45.00	47.00		47.00	47.00	47.00	104.44	100.00	47.00		47.00	100.00
	SL	Tấn	11,250.00	8,977.00		8,977.00	8,977.00	8,977.00	79.80	100.00	8,995.80		8,995.80	100.21
6	Cây ca cao	Ha	10.00	12.30		12.30	12.30	12.30	123.00	100.00	6.00		6.00	48.78
VII	Cây ăn quả	Ha	2,096.00	2,391.00		2,391.00	2,391.00	2,391.00	114.07	100.00	2,858.00		2,858.00	119.53
	Trồng mới	Ha	374.00	296.50		296.50	296.50	296.50	79.28	100.00	466.00		466.00	157.17
VIII	Cây dược liệu, cây lâu năm khác,...	Ha	800.00	1,050.00		1,050.00	913.06	913.06	114.13	86.96	1,100.00		1,100.00	120.47
A.2	CHĂN NUÔI													
1	Đàn trâu tổng số	Con	515.00	518.00				520.00	100.97	100.39	520.00			100.00
2	Đàn bò tổng số	Con	27,000.00	31,000.00				31,000.00	114.81	100.00	32,000.00			103.23
3	Đàn heo tổng số	Con	46,000.00	58,000.00				58,000.00	126.09	100.00	59,800.00			103.10
4	Đàn dê tổng số	Con	8,000.00	8,200.00				10,850.00	135.63	132.32	11,000.00			101.38
5	Đàn gia cầm	Con	99,000.00	110,000.00				408,000.00	412.12	370.91	408,000.00			100.00
6	Sản phẩm CN													
	- Thịt trâu bò hơi	Tấn	6,878.75	7,931.30				7,932.00	115.31	100.01	8,182.00			103.15
	- Thịt heo hơi	Tấn	5,520.00	6,960.00				6,960.00	126.09	100.00	7,176.00			103.10
A.3	LÂM NGHIỆP													
1	Khai thác gỗ	1000m ³												
	- Rừng trồng	1000m ³												
	- Rừng tự nhiên (tận dụng)	1000m ³												
2	Trồng rừng	Ha	60.00	125.00				84.30	140.50	67.44	100.00			118.62
	- Rừng phòng hộ, đặc dụng, thay thế:	Ha		20.00				20.00			20.00			100.00
	- Rừng sản xuất	Ha	0.00	45.00				4.30		9.56	20.00			465.12
	- Trồng cây phân tán	Ha	60.00	60.00				60.00	100.00	100.00	60.00			100.00

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021							Năm 2022			
				Kế hoạch 2021	Kết quả sản xuất Đông Xuân 2020-2021	Kế hoạch sản xuất vụ Mùa 2021	Ước thực hiện vụ Mùa 2021	Ước thực hiện năm 2021	So sánh ước TH 2021 so với TH 2020 (%)	So sánh ước TH 2021 với KH 2021 (%)	Kế hoạch 2022	Kế hoạch vụ Đông Xuân 2021-2022	Kế hoạch vụ Mùa 2022	So sánh KH 2022 với TH 2021 (%)
3	Chăm sóc rừng:	Ha	59.20	35.07				35.07	59.24	100.00	19.17			54.66
4	Khoán QLBV rừng	Ha	1,376.09	1,131.08				1,131.08	82.20	100.00	1,131.08			100.00
5	Tỷ lệ che phủ rừng (kể cả cây cao su, cây đặc sản: Điều, cây ăn quả)	%	27.40	27.50				27.50	100.36	100.00	27.60			100.36
6	Cho thuê rừng	Ha												
A.4 THUỶ SẢN														
I	Tổng diện tích	Ha	3,829.00	3,760.00				3,760.00	98.20	100.00	3,800.00			101.06
1	- DT nuôi trồng	Ha	27.00	28.00				28.00	103.70	100.00	25.00			89.29
2	- DT khai thác tự nhiên	Ha	3,802.00	3,732.00				3,732.00	98.16	100.00	3,775.00			101.15
II	Tổng sản lượng	Tấn	1,300.00	1,340.00				1,340.00	103.08	100.00	1,380.00			102.99
1	- SL nuôi trồng	Tấn	306.00	300.00				300.00	98.04	100.00	300.00			100.00
2	- SL Khai thác	Tấn	994.00	1,040.00				1,040.00	104.63	100.00	1,080.00			103.85
A.5 Phát triển nông thôn														
1	- Số tiêu chí nông thôn mới bình quân đạt được bình quân/xã	Tiêu chí	18.29	18.29				18.29	100.00	100.00	18.71			102.30
2	- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	11.00	12.00				12.00	109.09	100.00	13.00			108.33
3	- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	78.57	85.71				85.71	109.09	100.00	92.86			108.33
4	- Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	96.20	97.00				97.71	101.57	100.73	98.00			100.30
5	- Số hộ được sử dụng nước sạch	Hộ	16,370.00	16,458.00				17,780.00	108.61	108.03	18,150.00			102.08
6	- Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch	%	76.00	76.54				79.84	105.05	104.31	81.50			102.08
7	- Chương trình mỗi xã một sản phẩm	Sản phẩm	3.00	6.00				3.00	100.00	50.00	8.00			266.67

CHI TIẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

(Kèm theo báo cáo số 648/BC-UBND ngày 13/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Tỉ lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
	TỔNG CỘNG	120,970	120,970	80	63,584	61,656	61,656	-	51.0	63,429	-	52.4		
I	Vốn ngân sách tỉnh cân đối theo tiêu chí	54,753.0	54,753.0	80.0	26,580.3	28,843.8	28,843.8	-	52.7	30,583.0	-	55.9		
I.1	Vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư	18,000.0	18,000.0	80.0	9,264.0	9,264.0	9,264.0	-	51.5	-	-	-		
I	Đường Phan Đình Phùng, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	18,000.0	18,000.0	80.0	9,264.0	9,264.0	9,264.0		51.5			-	UBND huyện Chư Sê	Đang phê duyệt HSMT
I.2	Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2021	6,170.0	6,170.0	-	2,706.5	4,094.1	4,094.1	-	66.4	6,170.0	-	100.0		
I.2.1	UBND thị trấn Chư Sê	2,070.2	2,070.2	-	828.1	1,990.6	1,990.6	-	96.2	2,070.2	-	100.0		
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 6, dài 391m.	181.9	181.9		72.8	178.2	178.2		97.9	181.9		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 6, dài 130m.	51.8	51.8		20.7	50.9	50.9		98.1	51.8		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 8, dài 74m.	34.4	34.4		13.8	33.6	33.6		97.7	34.4		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 8 thôn Dun Bê, dài 500m.	199.4	199.4		79.8	195.5	195.5		98.1	199.4		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT thôn Bàu Zút dài 1.132m.	451.5	451.5		180.6	442.9	442.9		98.1	451.5		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 1, thị trấn Chư Sê, dài 100m.	39.9	39.9		16.0	-			-	39.9		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT thôn Kê, dài 927m.	369.7	369.7		147.9	362.7	362.7		98.1	369.7		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT thôn Tốt Biơch, dài 374,5m.	149.4	149.4		59.8	146.5	146.5		98.0	149.4		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT thôn Mỹ Thạch 3, dài 416m.	165.9	165.9		66.4	162.7	162.7		98.1	165.9		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Tỉ lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 4, dài 137,4m.	63.9	63.9		25.6	62.4	62.4		97.7	63.9		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 4, dài 20,5m.	8.2	8.2		3.3	8.0	8.0		97.5	8.2		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT TDP 4, dài 25m.	8.3	8.3		3.3	8.1	8.1		97.9	8.3		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hóa GTNT hẻm đường Hùng Vương, thôn Bàu Zút, dài 267m	106.5	106.5		42.6	104.4	104.4		98.1	106.5		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
-	Kiên cố hoá GTNT thôn Kê, dài 600m.	239.3	239.3		95.7	234.7	234.7		98.1	239.3		100.0	UBND thị trấn Chư Sê	
1.2.2	UBND xã Dun	964.2	964.2	-	385.7	518.3	518.3	-	53.8	964.2	-	100.0		
-	Đường giao thông LàngPan, dài 1,200m	482.1	482.1		192.8	264.6	264.6		54.9	482.1		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông Làng Greo Pét, dài 1,200m	482.1	482.1		192.8	253.6	253.6		52.6	482.1		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.2.3	UBND xã Ia Blang	723.7	723.7	-	217.1	510.9	510.9	-	70.6	723.7	-	100.0		
-	Đường giao thông thôn Mỹ phú, dài 168 m	67.5	67.5		20.3	46.1	46.1		68.2	67.5		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông nội thôn làng Nhã, dài 707 m	284.3	284.3		85.3	198.9	198.9		70.0	284.3		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thôngngõ xóm làng Nhã, dài 925 m	371.9	371.9		111.6	266.0	266.0		71.5	371.9		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.2.4	UBND xã Ia Glai	372.8	372.8	-	186.4	226.3	226.3	-	60.7	372.8	-	100.0		
-	Đường giao thông Làng Ngol, dài 925m	372.8	372.8		186.4	226.3	226.3		60.7	372.8		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.2.5	UBND xã Bờ Ngoong	569.4	569.4	-	284.7	311.8	311.8	-	54.8	569.4	-	100.0		
-	Đường giao thông thôn Đoàn Kết, dài 410m	181.2	181.2		90.6	99.2	99.2		54.7	181.2		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông làng D Nâu, dài 880m	388.1	388.1		194.1	212.6	212.6		54.8	388.1		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.2.6	UBND xã Ai Bá	905.2	905.2	-	452.6	327.7	327.7	-	36.2	905.2		100.0		
-	Đường giao thông làng Blut Róh, dài 1000m	489.4	489.4		244.7	183.2	183.2		37.4	489.4		100.0	BQL chương trình MTOG	

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Tỉ lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
-	Đường giao thông làng Ia H Boong, dài 850m	415.8	415.8		207.9	144.4	144.4		34.7	415.8		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.2.7	UBND xã Chư Pong	564.6	564.6	-	352.0	208.6	208.6	-	36.9	564.6		100.0		
-	Đường Giao thông nội thôn Thái Hà, dài 320m	139.4	139.4		139.4	49.2	49.2		35.3	139.4		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông thôn Thái Hà tuyến đi nhà máy nước, dài 976m	425.3	425.3		212.6	159.4	159.4		37.5	425.3		100.0	BQL chương trình MTOG	
1.3	Vốn cân đối ngân sách phân cấp huyện, thị xã, thành phố	30,583.0	30,583.0	-	14,609.8	15,485.7	15,485.7	-	50.6	30,583.0		100.0		
I	Đối ứng thực hiện dự án cấp bách: Dự án bố trí dân cư vùng thiên tai xã Ayun	1,280.0	1,280.0		1,143.2	1,143.2	1,143.2		89.3	1,143.2		89.3	UBND xã Ayun	
2.0	Đối ứng thực hiện Chương trình Kiên cố hóa hạ tầng giao thông năm 2021	2,116.5	2,116.5	-	988.7	2,116.5	2,116.5	-	100.0	2,116.5	-	100.0		
2.1	UBND xã Dun	489.0	489.0	-	195.6	489.0	489.0	-	100.0	489.0	-	100.0		
-	Đường giao thông LàngPan, dài 1,200m	244.5	244.5		97.8	244.5	244.5		100.0	244.5		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông Làng Greo Pết, dài 1,200m	244.5	244.5		97.8	244.5	244.5		100.0	244.5		100.0	BQL chương trình MTOG	
2.2	UBND xã Ia Blang	318.8	318.8	-	95.6	318.8	318.8	-	100.0	318.8	-	100.0		
-	Đường giao thông thôn Mỹ phú, dài 168 m	37.1	37.1		11.1	37.1	37.1		100.0	37.1		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông thôn làng Nhã, dài 707 m	124.5	124.5		37.4	124.5	124.5		100.0	124.5		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông thôn làng Nhã, dài 925 m	157.2	157.2		47.2	157.2	157.2		100.0	157.2		100.0	BQL chương trình MTOG	
2.3	UBND xã Ia Glai	168.0	168.0	-	84.0	168.0	168.0	-	100.0	168.0	-	100.0		
-	Đường giao thông Làng Ngol, dài 925m	168.0	168.0		84.0	168.0	168.0		100.0	168.0		100.0	BQL chương trình MTOG	
2.4	UBND xã Bờ Ngoong	251.8	251.8	-	125.9	251.8	251.8	-	100.0	251.8	-	100.0		
-	Đường giao thông thôn Đoàn Kết, dài 410m	80.0	80.0		40.0	80.0	80.0		100.0	80.0		100.0	BQL chương trình MTOG	

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Ti lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
-	Đường giao thông làng D Nâu, dài 880m	171.8	171.8		85.9	171.8	171.8		100.0	171.8		100.0	BQL chương trình MTOG	
2.5	UBND xã AI Bá	539.4	539.4	-	269.7	539.4	539.4	-	100.0	539.4		100.0		
-	Đường giao thông làng Blut Róh, dài 1000m	285.6	285.6		142.8	285.6	285.6		100.0	285.6		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông làng Ia H Boong, dài 850m	253.8	253.8		126.9	253.8	253.8		100.0	253.8		100.0	BQL chương trình MTOG	
2.6	UBND xã Chư Pong	349.5	349.5	-	217.9	349.5	349.5	-	100.0	349.5		100.0		
-	Đường Giao thông nội thôn Thái Hà, dài 320m	86.3	86.3		86.3	86.3	86.3		100.0	86.3		100.0	BQL chương trình MTOG	
-	Đường giao thông thôn Thái Hà tuyến đi nhà máy nước, dài 976m	263.2	263.2		131.6	263.2	263.2		100.0	263.2		100.0	BQL chương trình MTOG	
3	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2020	3,736.5	3,736.5	-	2,989.1	2,989.1	2,989.1	-	80.0	3,097.1	-	82.9		
3.1	Bến xe huyện Chư Sê	1,580.0	1,580.0		895.4	895.4	895.4		56.7	1,003.4		63.5		
3.2	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương thuộc phía Tây đoạn từ Quang Trung đến Km1+100 (đối diện siêu thị Vĩnh Tín), thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	950.8	950.8		950.8	950.8	950.8		100.0	950.8		100.0	BQL dự án ĐTXD	
3.3	Đường Nguyễn Đình Chiểu, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	291.0	291.0		291.0	291.0	291.0		100.0	291.0		100.0	BQL dự án ĐTXD	
3.4	Mở rộng dải phân cách đường Hùng Vương đoạn Cách Mạng – Quang Trung đến Huyện đội) – QL 25 (đoạn từ ngã ba Cheo reo đến hết đường đôi.	392.5	392.5		371.4	371.4	371.4		94.6	371.4		94.6	BQL CTĐT&VS MT	
3.5	Nâng cấp mở rộng đường Tôn Thất Tùng, thị trấn Chư Sê	522.2	522.2		480.5	480.5	480.5		92.0	480.5		92.0	UBND thị trấn Chư Sê	
4	Dự án chuyển tiếp	4,265.0	4,265.0	-	1,419.1	1,419.1	1,419.1	-	33.3	1,719.1	-	40.3		

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Tỉ lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
4.1	Xây dựng đảo giao thông ngã 3 Chơ Reo thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	4,265.0	4,265.0		1,419.1	1,419.1	1,419.1		33.3	1,719.1		40.3		
5	Dự án khởi công mới	19,185.0	19,185.0	-	8,069.6	7,817.7	7,817.7	-	40.7	8,042.7	-	41.9		
5.1	Trường TH & THCS Nguyễn Du	3,000.0	3,000.0		1,620.4	1,620.4	1,620.4		54.0	1,620.4		54.0	BQL dự án ĐTXD	
5.2	Trường THCS Lý Tự trọng, xã Hbông	3,500.0	3,500.0		1,866.2	1,866.2	1,866.2		53.3	1,866.2		53.3	BQL dự án ĐTXD	
5.3	Nhà văn hóa thôn 1,2,3, xã Ia HLốp	1,275.0	1,275.0		624.1	624.1	624.1		49.0	624.1		49.0	UBND xã Ia HLốp	
5.4	Nhà văn hóa TDP 6, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê	300.0	300.0		262.3	262.3	262.3		87.4	262.3		87.4	UBND thị trấn Chư Sê	
5.5	Nghĩa trang nhân dân Chư Sê	4,000.0	4,000.0		2,000.0	1,973.1	1,973.1		49.3	1,973.1		49.3	BQL CTĐT&VS MT	
5.6	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Nguyễn Tri Phương	3,765.0	3,765.0		154.9	-			-	154.9		4.1	BQL dự án ĐTXD	Vướng mặt bằng
5.7	Tháo dỡ các hạng mục trường THPT Nguyễn Bình Khiêm (cũ), thị trấn Chư Sê	1,145.0	1,145.0		70.1	-			-	70.1		6.1	BQL dự án ĐTXD	
5.8	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030	2,200.0	2,200.0		1,471.6	1,471.6	1,471.6		66.9	1,471.6		66.9	Phòng TN&MT	
II	Tiền sử dụng đất phân cấp huyện, thị xã, thành phố	45,000.0	45,000.0	-	20,010.9	20,010.9	20,010.9	-	44.5	20,010.2	-	44.5		
II.1	Dự án chuyển tiếp	35,942.0	35,942.0	-	11,122.8	11,122.8	11,122.8	-	30.9	11,122.8	-	30.9		
I	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm, thị trấn Chư Sê	35,942.0	35,942.0		11,122.8	11,122.8	11,122.8		30.9	11,122.8		30.9	BQL dự án ĐTXD	
II.2	Dự án đền bù	9,058.0	9,058.0	-	8,888.1	8,888.1	8,888.1	-	98.1	8,887.4	-	98.1		

TT	Danh mục dự án	Năm 2021								Dự ước giải ngân thực hiện từ 1/1/2021 đến 28/11/2021			Chủ đầu tư	Ghi chú
		Kế hoạch năm 2021			Khối lượng thực hiện từ 01/01/2021 đến 27/10/2021	Giải ngân từ 01/01/2021 đến 27/10/2021								
		Tổng số	Trong đó, từng nguồn vốn			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó, từng nguồn vốn		Tỷ lệ giải ngân	Trong đó, từng nguồn vốn cụ thể		Tỉ lệ		
			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước		Tổng số vốn	Trong đó: thu hồi vốn ứng trước			
I	Bồi thường, hỗ trợ xây dựng công trình: Kè chống sạt lở trung tâm hành chính huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	7,955.0	7,955.0		7,806.7	7,806.7	7,806.7		98.1	7,806.0		98.1	BQL dự án ĐTXD	
2	Bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và giao đất cho BCH quân sự huyện Chư Sê quản lý sử dụng vào mục đích quốc phòng	1,103.1	1,103.1		1,081.4	1,081.4	1,081.4		98.0	1,081.4		98.0	BCH Quân sự huyện	
III	Vốn kéo dài	16,216.9	16,216.9	-	12,162.7	7,971.4	7,971.4	-	49.2	7,971.4	-	49.2	-	
III.1	Vốn dự phòng NSTW năm 2019 kéo dài sang năm 2021	16,216.9	16,216.9	-	12,162.7	7,971.4	7,971.4	-	49.2	7,971.4	-	49.2		
I	Kè chống sạt lở Trung tâm hành chính huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai	16,216.9	16,216.9		12,162.7	7,971.4	7,971.4		49.2	7,971.4		49.2	UBND huyện Chư Sê	đề xuất Cắt giảm chi phí dự phòng
IV	Vốn dự phòng NSTW 2020	5,000.0	5,000.0	-	4,830.1	4,830.1	4,830.1	-	96.6	4,864.6	-	97.3		
I	Bổ trí dân cư vùng thiên tai tại xã Ayun, huyện Chư Sê	5,000.0	5,000.0		4,830.1	4,864.6	4,830.1		96.6	4,864.6		97.3	UBND huyện Chư Sê	

Số: /NQ-HĐND

Chư Sê, ngày tháng 12 năm 2021

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

**Về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2022**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015;

Trên cơ sở xem xét các báo cáo, Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện; thông báo của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện; báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; Chi cục Thi hành án dân sự huyện; báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành nội dung Báo cáo số 107/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Thường trực HĐND huyện về tình hình hoạt động của Thường trực HĐND huyện năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2022; Báo cáo số 648/BC-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh năm 2021 và xây dựng kế hoạch năm 2022. Trong năm 2022, tập trung thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh công tác “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện. Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của huyện năm 2022 đạt 8,83%. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cơ cấu và phát triển các ngành, lĩnh vực; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đầu tư công. Triển khai các giải pháp tạo lập nguồn thu ngân sách ổn định, lâu dài. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tiếp tục xây dựng nông thôn mới và thực hiện chương trình quốc gia giảm nghèo bền vững. Tăng cường kiểm soát, quản lý các hoạt động khai thác tài nguyên, môi trường. Chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Tập trung các biện pháp đảm bảo chất và lượng trong công tác dạy và học phù hợp với tình

hình dịch Covid-19. Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân; đảm bảo các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó kịp thời với dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19. Quan tâm thực hiện chính sách xã hội, giải quyết việc làm và thu nhập cho người lao động, đảm bảo an sinh xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực bộ máy quản lý nhà nước. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

2. Một số chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu năm 2022:

2.1 Về kinh tế:

- Tổng diện tích gieo trồng	36.338,22ha
- Tổng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)	13.610,52 tỷ đồng
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế:	8,83 %
- Cơ cấu kinh tế:	100 %
+ Công nghiệp - xây dựng	36,82 %
+ Nông - lâm nghiệp	31,92 %
+ Thương mại - dịch vụ	31,26 %
- Tổng sản lượng lương thực (cây có hạt)	39.158 tấn
- Thu nhập bình quân đầu người	67,3 triệu đồng/người/năm
- Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn	670,9 tỷ đồng
(Trong đó: dự kiến phần đầu tăng thu):	146,1 tỷ đồng
- Tổng chi Ngân sách	670,9 tỷ đồng
- Mức đầu tư XD CB trên địa bàn (do huyện quản lý)	80 tỷ đồng

2.2 Về văn hoá, xã hội:

- Dân số trung bình	126.650 Người
- Tỷ lệ tăng dân số	0,91 %
+ Trong đó: tăng tự nhiên	1,1 %
- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo mới)	10,37 %
- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường	99,7 %
- Số lao động được giải quyết việc làm	3.000 người
- Xây dựng trường chuẩn quốc gia	05 trường
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	14,71 %
- Xây dựng xã đạt chuẩn NTM	01 xã (Ia Ko)

- Xây dựng xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 04 xã (Năm trước chuyển sang)
- Xây dựng làng nông thôn mới: 10 làng (Năm 2021 chuyển sang)

3. Một số nhiệm vụ, giải pháp năm 2022

Hội đồng nhân dân huyện cơ bản thống nhất với các nhiệm vụ, giải pháp do Thường trực HĐND, UBND, TAND, VKSND, CCTHDS và các cơ quan có liên quan về thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm 2022. Trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ và giải pháp sau đây:

3.1. Về công tác phòng chống dịch Covid-19:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid19 theo chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh và UBND huyện. Đảm bảo các nguồn lực, sẵn sàng ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp của dịch Covid-19. Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 của Chính phủ về ban hành quy định tạm thời “*thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19*” để phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an sinh, trật tự, an toàn xã hội.

3.2. Về phát triển kinh tế:

- Phấn đấu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của huyện năm 2022 đạt 8,83%. Thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ cơ cấu và phát triển các ngành, lĩnh vực; chú trọng nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư, nhất là đầu tư công. Triển khai các giải pháp tạo lập nguồn thu ngân sách ổn định, lâu dài. Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ.

- Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh thu hút doanh nghiệp và các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời, chủ động phòng chống, khống chế kịp thời, không để lây lan, phát sinh thành dịch nếu có xảy ra. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, đẩy mạnh công tác trồng rừng, giao khoán bảo vệ rừng.

Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình MTQG XD NTM, nhất là công tác xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và làng nông thôn mới. Thực hiện tốt Chương trình Quốc gia mỗi xã, một sản phẩm OCOP.

- Đẩy mạnh phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tập trung xây dựng hạ tầng kỹ thuật vào Cụm công nghiệp huyện và các vị trí quy hoạch khu dân cư mới, xây dựng dân dụng, công trình giáo dục công trình hạ tầng kỹ thuật nông thôn ưu tiên các xã xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới năm 2022. Đẩy nhanh tiến độ bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng các công trình, dự án trên địa bàn huyện.

- Tổ chức tốt thị trường lưu thông hàng hóa, đảm bảo cung cầu hàng hóa, các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhân dân trên địa bàn huyện nhất là trong các dịp Lễ, Tết và trong giai đoạn dịch Covid-19 xảy ra. Các hoạt động vận

tải phải đáp ứng điều kiện thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19.

- Tập trung chỉ đạo triển khai các giải pháp tạo lập nguồn thu ngân sách ổn định, lâu dài. Phần đầu thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt 670,9 tỷ đồng. Tiếp tục triển khai đấu giá thu tiền sử dụng đất tại các vị trí quy hoạch đấu giá quyền sử dụng đất đã được phê duyệt. Sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, địa phương để đầu tư các công trình kết cấu hạ tầng. Thực hiện tiết kiệm, chống thất thoát, lãng phí trong đầu tư công; đẩy mạnh công tác giải ngân vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước.

- Tăng cường công tác giải quyết hồ sơ về đất đai, môi trường đảm bảo thực hiện đúng thời gian quy định. Tăng cường công tác thanh, kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật. Triển khai phương án hạn chế khai thác, sử dụng nước dưới đất.

3.3. Về lĩnh vực xã hội:

- Tập trung triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu y tế trên địa bàn huyện. Đẩy mạnh công tác truyền thông giáo dục và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

- Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo trong tình hình mới. Thực hiện tốt công tác duy trì sĩ số học sinh, làm tốt công tác vận động học sinh đến trường. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đảm bảo đạt chỉ tiêu về trường chuẩn quốc gia. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, các Trung tâm học tập cộng đồng, thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Quan tâm công tác bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân. Thực hiện tốt chính sách giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm. Thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là công tác xóa đói giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình MTQG Giảm nghèo và an sinh xã hội bền vững giai đoạn 2021-2025. Triển khai thực hiện hiệu quả các Chương trình mục tiêu Quốc gia.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước. Tổ chức các hoạt động chào mừng các ngày Lễ, Tết đảm bảo quy định về phòng, chống dịch Covid-19. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn kết với công tác CCHC trên địa bàn huyện.

3.4. Về lĩnh vực nội chính:

- Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội gắn với xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân và thế trận lòng dân vững mạnh. Tổ chức giao quân đạt 100% chỉ tiêu được giao. Đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, tập trung đấu tranh với các loại tội phạm. Tiếp tục làm tốt

công tác đảm bảo an toàn giao thông; tăng cường công tác phòng, chống cháy nổ. Thực hiện tốt công tác truy vết các trường hợp liên quan đến dịch Covid-19.

- Duy trì và thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư và các vấn đề bức xúc của nhân dân, không để kéo dài, vượt cấp, tập trung đông người. Nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, củng cố, kiện toàn các phòng, ban thuộc huyện theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tiếp thu những ý kiến, kiến nghị của các Ban HĐND huyện, của Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện và ý kiến đóng góp của các đại biểu HĐND huyện tại buổi thảo luận, bổ sung và hoàn chỉnh báo cáo; tổ chức chỉ đạo, triển khai thực hiện với sự nỗ lực, quyết tâm cao nhất nhằm đảm bảo hoàn thành thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế xã hội, quốc phòng an ninh năm 2022 đã được HĐND huyện thông qua tại Kỳ họp này.

- Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban HĐND, các vị Đại biểu HĐND huyện tăng cường giám sát, đôn đốc UBND các cấp, các ngành chức năng thực hiện nghị quyết này và kịp thời giải quyết các ý kiến, kiến nghị cử tri, các Ban HĐND, UBMTTQ huyện.

- Hội đồng nhân dân huyện kêu gọi toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, đồng bào các dân tộc trong huyện đoàn kết phát huy sáng tạo, vượt qua khó khăn, thi đua lập thành tích trong lao động sản xuất, ra sức phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch Hội đồng nhân dân huyện đề ra trong năm 2022.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Chư Sê khóa X, Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 17 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- BTT. UBMTTQ huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các Phòng, Ban thuộc huyện;
- TT. HĐND – UBND – UBMTTQ các xã, thị trấn;
- Trung tâm Văn hóa – Thông tin và TT huyện;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, HĐ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Hồng Hà